

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Luật số: .../.../QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

LUẬT
ĐIỆN LỰC (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Điện lực.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quy hoạch phát triển điện lực và đầu tư xây dựng dự án điện lực; phát triển điện năng lượng tái tạo và điện năng lượng mới; giấy phép hoạt động điện lực; thị trường điện lực, giá điện, hoạt động mua bán điện; trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực và sử dụng điện; vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia; bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện; quản lý nhà nước về điện lực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến hoạt động điện lực tại Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Điện lực và luật khác về cùng một vấn đề cụ thể liên quan thì áp dụng Luật Điện lực, bao gồm:

- Quy định thẩm quyền quyết định các dự án, công trình điện khẩn cấp tại Điều 20 và các quy định ưu tiên đối với đầu tư dự án, công trình điện khẩn cấp tại Điều 21 Luật này.
- Quy định về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án lưới điện đi qua địa giới hành chính từ 02 tỉnh trở lên tại khoản 2 Điều 22 Luật này.
- Các hoạt động về đầu tư phát triển, xây dựng công trình điện gió ngoài khơi, trừ công trình thuộc dự án điện gió ngoài khơi được xây dựng trên đất liền.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *An toàn công trình thủy điện* là hệ thống các biện pháp tổ chức và phương tiện kỹ thuật trong quá trình khảo sát, thiết kế, thi công, quản lý, khai thác công trình thủy điện nhằm bảo đảm an toàn cho đập, hồ chứa thủy điện, tuyến năng lượng, các công trình phụ trợ và an toàn cho vùng hạ du đập.

2. *An toàn điện* là hệ thống các biện pháp tổ chức và phương tiện kỹ thuật để ngăn chặn các tác động có hại và nguy hiểm đối với con người và thiết bị từ nguồn điện trong quá trình sản xuất, truyền tải, phân phối và sử dụng điện.

3. *Bán buôn điện* là hoạt động bán điện của đơn vị điện lực này cho đơn vị điện lực khác để bán lại cho bên thứ ba.

4. *Bán lẻ điện* là hoạt động bán điện của đơn vị điện lực cho khách hàng sử dụng điện.

5. *Biểu giá điện* là bảng kê các mức giá và khung giá điện cụ thể áp dụng cho các đối tượng mua bán điện theo các điều kiện khác nhau.

6. *Biểu giá chi phí tránh được* là biểu giá được tính toán căn cứ vào các chi phí tránh được của hệ thống điện quốc gia khi có 01 kWh công suất phát từ nhà máy thủy điện nhỏ được phát lên lưới điện phân phối.

7. *Chi phí tránh được* là chi phí sản xuất 01 kWh của tổ máy phát có chi phí cao nhất trong hệ thống điện quốc gia, chi phí này có thể tránh được nếu bên mua điện mua 01 kWh từ một nhà máy thủy điện nhỏ thay thế.

8. *Cấp điện áp* là một trong những giá trị của điện áp danh định được sử dụng trong hệ thống điện, bao gồm:

- a) Hạ áp là cấp điện áp danh định đến 01 kV;
- b) Trung áp là cấp điện áp danh định trên 01 kV đến 35 kV;
- c) Cao áp là cấp điện áp danh định trên 35 kV đến 220 kV;
- d) Siêu cao áp là cấp điện áp danh định trên 220 kV.

9. *Công trình điện lực* là tổ hợp các phương tiện, máy móc, thiết bị, kết cấu xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, mua bán điện; hệ thống bảo vệ công trình điện lực.

10. *Dịch vụ phụ trợ* là các dịch vụ kỹ thuật cần thiết để duy trì hệ thống điện quốc gia vận hành ổn định, tin cậy, bao gồm điều chỉnh tần số, khởi động nhanh, vận hành phải phát, điều chỉnh điện áp, khởi động và các dịch vụ kỹ thuật khác có liên quan.

11. *Dự án đầu tư điện lực* là dự án đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư, bao gồm tập hợp các đề xuất về sử dụng vốn trung hạn hoặc dài hạn để thực hiện các hoạt động xây dựng, đầu tư, kinh doanh công trình điện lực trên địa bàn cụ thể và trong khoảng thời hạn xác định.

12. *Điện năng lượng mới* là điện được sản xuất từ một hoặc nhiều nguồn sau đây:

a) Hydrogen xanh;

b) Amoniac xanh;

c) Các nguồn năng lượng mới khác nhưng không phải là các nguồn nhiệt điện than, nhiệt điện khí, nhiệt điện dầu, điện năng lượng tái tạo, điện hạt nhân, thiết bị lưu trữ điện. Hydrogen, amoniac được sản xuất từ nguồn điện tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 13 Điều này gọi là hydrogen xanh và amoniac xanh.

13. *Điện năng lượng tái tạo* là điện được sản xuất từ một hoặc nhiều nguồn năng lượng sơ cấp sau:

a) Năng lượng mặt trời;

b) Năng lượng gió;

c) Năng lượng đại dương, gồm thủy triều, sóng biển, hải lưu;

d) Năng lượng địa nhiệt;

đ) Năng lượng từ sức nước, gồm thủy điện nhỏ, thủy điện tích năng;

e) Năng lượng sinh khối gồm nhiên liệu sinh học và các dạng năng lượng có nguồn gốc từ thực vật;

g) Năng lượng từ chất thải của quy trình sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt; trừ chất thải của quy trình sản xuất, kinh doanh có sử dụng nhiên liệu hóa thạch;

h) Các dạng năng lượng tái tạo khác.

14. *Điện tự sản xuất, tự tiêu thụ* là điện được sản xuất và tiêu thụ do cùng một pháp nhân hoặc cá nhân thực hiện để phục vụ chính cho nhu cầu của pháp nhân hoặc cá nhân đó. Hoạt động mua bán sản lượng điện dư thực hiện theo pháp luật về điện lực.

15. *Điều độ hệ thống điện* là hoạt động chỉ huy, điều khiển quá trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện trong hệ thống điện quốc gia theo quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và phương thức vận hành đã được xác định.

16. *Điều hành giao dịch thị trường điện lực* là hoạt động quản lý và điều phối các giao dịch mua bán điện và dịch vụ phụ trợ trên thị trường điện lực.

17. *Điều tiết điện lực* là tác động của Nhà nước vào các hoạt động điện lực và thị trường điện lực nhằm bảo đảm cung cấp điện an toàn, ổn định, chất lượng, sử dụng điện tiết kiệm, có hiệu quả và bảo đảm tính công bằng, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

18. *Điểm đấu nối* là điểm nối trang thiết bị, lưới điện và nhà máy điện của khách hàng sử dụng điện vào lưới điện.

19. *Đơn vị điện lực* là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện lực, bán buôn điện, bán lẻ điện hoặc những hoạt động khác có liên quan.

20. *Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện* là bảng kê tỷ lệ phần trăm (%) của mức giá bán lẻ điện bình quân để tính giá bán lẻ điện cụ thể cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện.

21. *Giá điện nhiều thành phần* là giá bán điện bao gồm thành phần giá công suất sử dụng và giá điện năng sử dụng.

22. *Giá bán điện bình quân* là mức giá bán lẻ điện bình quân trong phạm vi khung giá của mức giá bán lẻ điện bình.

23. *Giá điện và giá các dịch vụ về điện* là giá bán buôn điện, bán lẻ điện và giá các dịch vụ phát điện, dịch vụ truyền tải điện, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện, dịch vụ điều hành giao dịch thị trường điện lực, dịch vụ phân phối điện.

24. *Giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện* là được xác định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ cần thiết và có lợi nhuận hợp lý do đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ trong chu kỳ tính giá.

25. *Giá điều độ vận hành hệ thống điện* được xác định trên cơ sở các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ và có lợi nhuận cho phép để Đơn vị vận hành hệ thống điện thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến điều độ, vận hành hệ thống điện.

26. *Giá điều hành giao dịch thị trường điện lực* được xác định trên cơ sở các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ và có lợi nhuận cho phép để Đơn vị vận hành thị trường điện thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến điều hành giao dịch thị trường điện lực.

27. *Giá truyền tải điện* được xác định trên cơ sở các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ với tỷ suất lợi nhuận hợp lý cho hoạt động truyền tải điện của đơn vị truyền tải điện.

28. *Hệ thống điện quốc gia* là hệ thống các trang thiết bị phát điện, lưới điện và các trang thiết bị phụ trợ được liên kết với nhau và được chỉ huy thống nhất trong phạm vi cả nước.

29. *Hoạt động điện lực* là hoạt động của tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực, phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện lực, bán buôn điện, bán lẻ điện hoặc những hoạt động khác có liên quan.

30. *Hợp đồng kỳ hạn điện* là thỏa thuận giữa các bên bằng văn bản về việc mua hoặc bán sản lượng điện năng tại một thời điểm cụ thể trong tương lai với một mức giá đã được thông nhất.

31. *Hợp đồng mua bán điện* là thỏa thuận giữa bên mua điện và bên bán điện áp dụng cho việc mua bán điện.

32. *Khách hàng sử dụng điện* là tổ chức, cá nhân mua điện để sử dụng, không bán lại cho tổ chức, cá nhân khác.

33. *Khách hàng sử dụng điện lớn* là khách hàng sử dụng điện có công suất

và sản lượng tiêu thụ lớn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương phù hợp với từng thời kỳ phát triển của hệ thống điện.

34. *Khung giá điện* là phạm vi biên độ dao động cho phép của giá điện giữa giá tối thiểu (giá sàn) và giá tối đa (giá trần).

35. *Khung giá bán buôn điện* là khung giá bán buôn điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được xác định theo mức giá bình quân tối thiểu (đồng/kWh) và mức giá bình quân tối đa (đồng/kWh).

36. *Khung giá phát điện* là khung giá phát điện bình quân trong vòng đời dự án nhà máy điện chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được xác định theo mức giá bình quân tối thiểu (đồng/kWh) và mức giá bình quân tối đa (đồng/kWh).

37. *Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện* là hoạt động kỹ thuật theo một quy trình nhất định nhằm đánh giá và xác nhận sự phù hợp của thiết bị, dụng cụ điện với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện trước khi đưa vào sử dụng, trong quá trình sử dụng, vận hành.

38. *Lưới điện* là hệ thống đường dây tải điện trên không hoặc cáp điện ngầm; máy biến áp và trang thiết bị phụ trợ để truyền dẫn điện, gồm lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối.

39. *Nhà máy điện* là tổ hợp một hoặc một số công trình điện lực để sản xuất điện năng.

40. *Nhà máy điện gió trên biển* là nhà máy điện gió có toàn bộ tuabin điện gió được xây dựng và vận hành trên vùng biển Việt Nam được xác định theo pháp luật về biển.

41. *Nhà máy điện gió trên đất liền* là nhà máy điện gió có toàn bộ tuabin điện gió được xây dựng và vận hành trên đất được xác định theo pháp luật về đất đai.

42. *Thủy điện nhỏ* là thủy điện có quy mô công suất từ 30 MW trở xuống.

43. *Thị trường điện giao ngay* là thị trường mua, bán điện năng trong các chu kỳ giao dịch do đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện thực hiện theo quy định tại các cấp độ của thị trường điện lực cạnh tranh.

44. *Thiết bị đo đếm điện* là thiết bị đo công suất, điện năng, dòng điện, điện áp, tần số, hệ số công suất, bao gồm các loại công tơ, các loại đồng hồ đo điện và các thiết bị, phụ kiện kèm theo.

45. *Trộm cắp điện* là hành vi lấy điện không qua công tơ điện, cố ý tác động làm sai lệch chỉ số đo đếm của công tơ điện và các thiết bị điện khác có liên quan đến đo đếm điện, cố ý hoặc thông đồng ghi sai chỉ số đo điện năng hoặc các hành vi khác phản ánh số liệu điện tiêu thụ không đúng thực tế.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển điện lực

1. Phát triển điện lực là ngành kết cấu hạ tầng kỹ thuật quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, phát triển bền vững trên cơ sở

khai thác tối ưu mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu điện năng phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng ổn định, an toàn và kinh tế, dịch vụ văn minh, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia.

2. Xây dựng và phát triển thị trường điện lực theo nguyên tắc công khai, bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, có sự điều tiết của Nhà nước để nâng cao hiệu quả trong hoạt động điện lực; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện.

3. Xây dựng chiến lược mua bán điện dài hạn với nước ngoài, liên kết lưới điện với các nước trong khu vực để góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

4. Xoá bỏ mọi độc quyền, rào cản bất hợp lý, thực hiện xã hội hóa tối đa trong đầu tư, khai thác sử dụng dịch vụ cơ sở vật chất của hệ thống truyền tải điện quốc gia trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện theo quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện. Các thành phần kinh tế ngoài nhà nước được vận hành lưới điện do mình đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

5. Nhà nước độc quyền trong các hoạt động sau đây vì mục đích bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia:

a) Điều độ hệ thống điện quốc gia;

b) Đầu tư xây dựng các dự án nhà máy điện hạt nhân, các dự án nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, các dự án nguồn điện khẩn cấp, lưới điện khẩn cấp, lưới điện truyền tải quan trọng từ cấp điện áp 220 kV trở lên và vận hành các công trình này sau khi hoàn thành dự án đầu tư xây dựng;

c) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục các dự án thủy điện chiến lược đa mục tiêu, các dự án nguồn điện khẩn cấp, lưới điện khẩn cấp, lưới điện truyền tải quan trọng từ cấp điện áp 220 kV trở lên và giao doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp thành viên do doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ thực hiện đầu tư xây dựng các dự án này;

d) Vận hành lưới điện truyền tải, trừ lưới điện truyền tải do các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư xây dựng.

6. Chính sách phát triển điện vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

a) Nhà nước ưu tiên bố trí vốn đầu tư công ngân sách nhà nước để đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển nguồn, lưới điện cấp điện sinh hoạt, sản xuất cho các hộ dân; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng địa phương;

b) Ưu đãi về đầu tư, tài chính và ưu đãi, hỗ trợ khác đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước xây dựng nguồn, lưới điện, kinh doanh cấp điện, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

7. Ưu tiên đầu tư dự án điện sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, tín dụng đầu tư của nhà nước. Dự án điện sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài do doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp thành viên do doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ làm chủ đầu tư là dự án ưu tiên đầu tư của Nhà nước được vay lại vốn và cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng theo quy định của Luật Quản lý nợ công.

8. Chính sách phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới:

a) Nhà nước có chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với từng loại hình điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới phù hợp với mục tiêu phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội từng thời kỳ, phù hợp với cam kết về mục tiêu giảm phát thải của Việt Nam;

b) Nhà nước khuyến khích đầu tư các dự án điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới tham gia thị trường điện;

c) Nhà nước có chính sách ưu đãi, hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển điện gió ngoài khơi;

d) Ưu tiên phát triển điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện sóng biển, điện địa nhiệt và điện hải lưu phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống điện với giá thành điện năng hợp lý; khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà và trên mặt nước;

đ) Khai thác tối đa nguồn điện sinh khối đồng phát; tăng cường phát triển các nguồn điện từ chất thải và sinh khối;

e) Phát triển điện từ năng lượng mới phù hợp với điều kiện về tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nguồn nhân lực, khả năng tài chính.

9. Chính sách giá điện và giá các dịch vụ về điện

a) Bảo đảm phản ánh chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh điện hợp lý, hợp lệ của đơn vị điện lực; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển điện lực có lợi nhuận hợp lý, tiết kiệm tài nguyên năng lượng, sử dụng các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong hoạt động điện lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo;

b) Giá bán điện thực hiện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết giá của Nhà nước phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh;

c) Giá điện bảo đảm khuyến khích sử dụng điện có hiệu quả và tiết kiệm, áp dụng cơ chế giá điện phù hợp đối với các nhóm khách hàng sử dụng điện có mức tiêu thụ điện cao và phát thải cao;

d) Thực hiện cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hợp lý và giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng không tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh khi chưa đủ điều kiện tham gia hoặc không lựa chọn tham gia

mua bán điện trên thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;

đ) Giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các vùng, miền phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện; Nhà nước hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo tiêu chí, cơ chế do Thủ tướng Chính phủ quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng thời kỳ;

e) Bảo đảm quyền tự quyết định giá mua điện, giá bán điện trong khung giá điện, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Nhà nước quy định;

g) Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện. Giá điện bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực;

h) Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện trong trường hợp cần thiết để ổn định phát triển kinh tế - xã; hỗ trợ giá điện cho cơ sở lưu trú du lịch, các khách hàng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển và trạm sạc điện phục vụ phương tiện giao thông xanh.

10. Phát triển nhiệt điện than ở mức hợp lý theo hướng ưu tiên những tổ máy công suất lớn, hiệu suất cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại như công nghệ trên siêu tới hạn trở lên; bảo đảm thực hiện đầy đủ pháp luật về an toàn môi trường sinh thái. Rà soát tổng thể và có kế hoạch sớm triển khai nâng cấp công nghệ của các nhà máy điện than hiện có để đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; kiên quyết đóng cửa đối với các nhà máy không thực hiện nâng cấp công nghệ theo quy định; Nhà nước khuyến khích nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch chuyển đổi sang các nguồn nhiên liệu phát thải thấp, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người lao động.

11. Theo từng thời điểm, để bảo đảm an ninh cung cấp điện, an ninh năng lượng quốc gia, Chính phủ quy định cụ thể về cơ chế phát triển các dự án điện phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia từng thời kỳ và phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh, bao gồm các cơ chế về sản lượng điện và giá điện.

12. Ưu tiên phát triển nhiệt điện khí sử dụng nguồn khí trong nước, phát triển nhanh nhiệt điện khí sử dụng LNG, đưa điện khí dần trở thành nguồn cung cấp điện năng quan trọng, hỗ trợ cho điều tiết hệ thống. Căn cứ mục tiêu phát triển và thu hút đầu tư đảm bảo ổn định hệ thống điện quốc gia từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau của dự án điện khí thiên nhiên hóa lỏng:

a) Cam kết tỷ lệ sản lượng điện tối thiểu được bảo đảm huy động so với sản lượng điện bình quân nhiều năm của nhà máy điện và thời gian thực hiện cam kết đối với nguồn điện đầu nối lên hệ thống điện quốc gia;

b) Nguyên tắc tính giá điện theo giá nhiên liệu.

13. Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù đối với các dự án đầu tư nguồn điện khẩn cấp, bảo đảm đầy đủ vốn cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

14. Nhà nước có cơ chế cho phép phát triển các nhà máy điện sản xuất tại chỗ, tự cung cấp trong các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

15. Tái cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực năng lượng theo nguyên tắc:

a) Tập trung vào lĩnh vực cốt lõi và có thế mạnh của doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực năng lượng; tối ưu hóa sử dụng nguồn lực và gia tăng giá trị gia tăng;

b) Tách bạch chức năng kinh doanh, hoạt động sản xuất, cung cấp dịch vụ với chức năng quản lý nhà nước;

c) Xử lý, cải thiện hiệu quả hoạt động và tái cơ cấu triệt để các dự án và doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả hoặc thua lỗ trong lĩnh vực năng lượng;

d) Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành điện nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; Phát triển các cơ chế và chính sách hỗ trợ để thực hiện cổ phần hóa thành công;

đ) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và minh bạch trong quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa;

e) Thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá định kỳ đối với quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa, để đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra và điều chỉnh kịp thời;

g) Các đơn vị cung cấp dịch vụ lưới điện phải hoạt động độc lập và không chung lợi ích với các bên tham gia thị trường điện đảm bảo công bằng và minh bạch trong hoạt động của thị trường.

h) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cạnh tranh nhằm ngăn chặn các hành vi lũng đoạn thị trường điện.

16. Chính sách ưu tiên đối với hoạt động điều độ hệ thống điện:

a) Nhà nước có cơ chế, chính sách ưu tiên đảm bảo bố trí quỹ đất xây dựng trụ sở độc lập cho đơn vị điều độ hệ thống điện nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, lâu dài và an ninh cho công tác điều độ hệ thống điện quốc gia;

b) Nhà nước có cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm đảm bảo cơ sở hạ tầng và các hệ thống thiết yếu khác phục vụ công tác điều độ, vận hành hệ thống điện và thị trường điện được xây dựng, phát triển theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng các yêu cầu trong vận hành, góp phần đảm bảo an ninh cung ứng điện;

c) Nhà nước có cơ chế, chính sách ưu tiên nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho hoạt động điều độ hệ thống điện, vận hành thị trường điện.

Điều 6. Hợp tác quốc tế trong hoạt động điện lực

1. Hợp tác quốc tế trong hoạt động điện lực phải phù hợp với đường lối và

chính sách đối ngoại của Việt Nam; bảo đảm nguyên tắc hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện:

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong chuyển giao công nghệ và nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực điện lực;

b) Đầu tư nguồn lực cho công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về hoạt động điện lực;

c) Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực quản lý trong lĩnh vực điện lực;

d) Thúc đẩy hợp tác đầu tư tài chính, chia sẻ thông tin trong lĩnh vực điện lực và thỏa thuận điều ước quốc tế trong lĩnh vực điện lực theo quy định pháp luật.

Điều 7. Ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động điện lực

1. Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong hành lang bảo vệ công trình điện, an toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

2. Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong hoạt động điện lực, sử dụng điện nhằm tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường; khuyến khích nghiên cứu, phát triển, sản xuất và sử dụng thiết bị hiện đại phục vụ yêu cầu phát triển điện lực và nâng cao tỷ lệ nội địa hóa đối với các nhà máy điện. Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích nâng cao tỉ lệ nội địa hoá trong công nghiệp điện.

3. Các nội dung ứng dụng khoa học công nghệ khác.

Điều 8. Các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện

1. Hoạt động điện lực không có giấy phép theo quy định của Luật này.

2. Trộm cắp điện.

3. Trộm cắp, phá hoại trang thiết bị điện.

4. Sử dụng phương tiện, thiết bị, các chất gây cháy nổ, ăn mòn và các hành vi khác làm hư hỏng, gây sự cố công trình điện lực.

5. Đóng, cắt điện trái quy định của pháp luật.

6. Vi phạm các quy định về bảo vệ công trình điện, an toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

7. Trồng cây, khoan, đào, đắp, xây dựng công trình, khai thác khoáng sản, neo đậu tàu thuyền, xả nước thải, chất ăn mòn, thả diều, vật bay và các hoạt động khác vi phạm quy định pháp luật về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực.

8. Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp hoặc thực hiện các hành vi sử dụng điện khác trái quy định của pháp luật.

9. Xây dựng công trình điện lực không phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, trừ các trường hợp tại khoản 2 Điều 18 Luật này.

10. Cung cấp thông tin không chính xác, thiếu minh bạch làm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực và sử dụng điện.

11. Cản trở tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thi hành việc kiểm tra, giám sát hoạt động điện lực và sử dụng điện.

12. Gây sách nhiễu, phiền hà, thu lợi bất chính trong hoạt động điện lực và sử dụng điện.

Chương II

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐIỆN LỰC

Mục 1

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TRONG QUY HOẠCH TỈNH VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Điều 9. Yêu cầu của việc lập quy hoạch

1. Việc lập quy hoạch phải tuân thủ nguyên tắc và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

2. Bảo đảm cung cấp đủ điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống người dân với chi phí hợp lý.

3. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước, bảo đảm phát triển bền vững.

4. Tối ưu tổng thể các yếu tố về nguồn điện, truyền tải điện, phân phối điện, sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, có lộ trình quy hoạch phù hợp đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường và chuyển đổi mô hình kinh tế, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia với chi phí hợp lý.

5. Thực hiện chuyển dịch năng lượng theo các mục tiêu, cam kết quốc gia trên cơ sở bám sát xu thế phát triển của khoa học - công nghệ trên thế giới, chú trọng phát triển về năng lượng tái tạo, năng lượng mới, gắn với quá trình chuyển đổi nền kinh tế đất nước theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp.

Điều 10. Phạm vi của quy hoạch phát triển điện lực và phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh

1. Quy hoạch phát triển điện lực, bao gồm:

a) Các nhà máy điện có quy mô công suất từ công trình cấp II trở lên và lưới điện đấu nối nguồn điện này;

b) Lưới truyền tải điện từ cấp điện áp 220 kV trở lên;

c) Tổng quy mô công suất các nhà máy điện khác ngoài các nhà máy điện đã được quy định tại điểm a khoản này được phân bổ theo từng địa phương.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh là một nội dung trong quy hoạch tỉnh, bao gồm:

a) Các dự án nguồn điện, lưới điện đã xác định trong quy hoạch phát triển điện lực;

b) Các nhà máy điện có quy mô công suất dưới cấp công trình quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và lưới điện đấu nối nguồn điện này;

c) Lưới điện 110 kV trên địa bàn;

d) Tổng khối lượng lưới điện trung áp trên địa bàn.

Điều 11. Lập, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực

1. Bộ Công Thương tổ chức lập quy hoạch phát triển điện lực trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực và chi phí cho các hoạt động quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

3. Trường hợp có sai sót về các thông tin của dự án trong quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực, Bộ Công Thương có trách nhiệm đính chính nội dung sai sót nhưng phải đảm bảo không làm thay đổi mục tiêu, tổng quy mô công suất, thời kỳ quy hoạch trong quy hoạch phát triển điện lực được duyệt.

Điều 12. Lập, phê duyệt và điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện:

a) Lập quy hoạch tỉnh theo quy định pháp luật về quy hoạch;

b) Lấy ý kiến Bộ Công Thương và các đơn vị điện lực có liên quan về phương án phát triển mạng lưới cấp điện trước khi tích hợp vào quy hoạch tỉnh;

c) Hoàn thiện và tích hợp nội dung phương án phát triển mạng lưới cấp điện vào quy hoạch tỉnh theo quy định pháp luật về quy hoạch.

2. Việc lập, thẩm định, tổ chức thực hiện và điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới cấp điện thực hiện theo việc lập, thẩm định, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch.

3. Trường hợp có sai sót về các thông tin của dự án trong quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đính chính nội dung sai sót nhưng phải đảm bảo không làm thay đổi mục tiêu, tổng quy mô công suất, thời kỳ quy hoạch trong quy hoạch tỉnh.

Điều 13. Yêu cầu việc lập kế hoạch thực hiện quy hoạch

1. Bám sát mục tiêu, định hướng của quy hoạch, cụ thể hóa được các nhiệm

vụ được giao trong quy hoạch.

2. Bảo đảm phát triển nguồn điện cân đối theo vùng, miền, hướng tới cân bằng cung - cầu nội vùng; bảo đảm tính khả thi, đồng bộ và linh hoạt trong phát triển nguồn điện, lưới điện phù hợp với bối cảnh, nguồn lực quốc gia.

3. Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các dự án. Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển điện lực.

Điều 14. Nội dung lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh, trong đó có kế hoạch thực hiện phương án phát triển mạng lưới cấp điện.

3. Nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực và phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh được lập chi tiết theo hai giai đoạn thời gian trong kỳ quy hoạch 10 năm phải đáp ứng quy định của Luật Quy hoạch và các nội dung sau đây:

- a) Dự báo nhu cầu phụ tải điện bao gồm: công suất, điện năng;
- b) Kế hoạch đầu tư nguồn điện và lưới điện;
- c) Các giải pháp, nguồn lực thực hiện.

Điều 15. Điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch

1. Kế hoạch thực hiện quy hoạch được phép điều chỉnh nội dung khi có một trong các căn cứ sau đây:

- a) Khi quy hoạch phát triển điện lực điều chỉnh;
- b) Do yêu cầu bảo đảm an ninh quốc phòng;
- c) Biến động bất thường của nhu cầu phụ tải điện hoặc giá các loại nguyên liệu tác động lớn đến giá thành điện;
- d) Nhu cầu điều chỉnh tiến độ, quy mô công suất trong quá trình thực hiện dự án.

2. Thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; bổ sung dự án, điều chỉnh thay thế các dự án bị chậm tiến độ, thay đổi quy mô công suất các dự án điện, giải pháp xử lý các dự án chậm tiến độ và các nội dung điều chỉnh khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này trên cơ sở đề xuất của Bộ Công Thương hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý về quy hoạch;

b) Bộ Công Thương quyết định điều chỉnh tiến độ các dự án trong thời kỳ quy hoạch; phương án đầu tư các dự án nguồn điện theo phạm vi phân cấp về

quy hoạch; số lượng và công suất máy biến áp cấp 220 kV; số mạch đường dây cấp điện áp 220 kV;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh tiến độ các dự án trong thời kỳ quy hoạch theo phân cấp quản lý; phương án đầu nối các dự án nguồn điện theo phạm vi phân cấp về quy hoạch; số lượng và công suất máy biến áp cấp 110 kV trở xuống; số mạch đường dây từ cấp điện áp 110 kV trở xuống.

3. Kế hoạch thực hiện quy hoạch được điều chỉnh định kỳ 03 tháng khi xuất hiện các căn cứ tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 16. Tiến độ dự án nguồn điện

1. Quy định về tiến độ thực hiện dự án nguồn điện tại các Điều 16 và Điều 17 Luật này không áp dụng đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, đầu tư công.

2. Tiến độ thực hiện dự án nguồn điện bao gồm tối thiểu các mốc tiến độ sau:

a) Thời điểm phê duyệt dự án đầu tư;

b) Thời điểm thu xếp xong tài chính;

c) Thời điểm khởi công công trình nguồn điện;

d) Thời điểm đưa dự án vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Thời điểm thực hiện dự án nguồn điện được thể hiện trong văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh và phải phù hợp với kế hoạch thực hiện quy hoạch.

Tiến độ thực hiện dự án nguồn điện được phép điều chỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trường hợp điều chỉnh các mốc tiến độ dự án nguồn điện dẫn đến thay đổi tiến độ đưa vào sử dụng so kế hoạch thực hiện quy hoạch thì thực hiện điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật này.

Điều 17. Cơ chế xử lý các dự án nguồn điện chậm tiến độ

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm thực hiện ngừng hoặc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với các dự án nguồn điện chậm tiến độ theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Nhà đầu tư tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Việc xử lý quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất khi chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Số tiền bảo đảm thực hiện dự án nguồn điện chậm tiến độ chưa được hoàn trả được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư.

5. Sau khi nhà đầu tư bị xử lý theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức đấu thầu dự án thực hiện lựa chọn nhà đầu tư thay thế theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Luật này.

6. Trong trường hợp không lựa chọn được nhà đầu tư thay thế dự án nguồn điện chậm tiến độ, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ thay thế dự án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Luật này.

Mục 2

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC

Điều 18. Quy định chung

1. Đầu tư xây dựng dự án điện lực được đánh giá là phù hợp với quy hoạch Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, phương án phát triển mạng lưới cấp điện theo một trong các căn cứ sau:

a) Thuộc danh mục dự án xác định trong quy hoạch phát triển điện lực hoặc phương án phát triển mạng lưới cấp điện, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh và các quyết định điều chỉnh (nếu có);

b) Mục tiêu và tổng khối lượng nguồn điện, lưới điện được xác định trong quy hoạch phát triển điện lực quốc gia hoặc phương án phát triển mạng lưới cấp điện đối với dự án chưa có trong danh mục tại điểm a khoản này.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi của Quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện và miễn trừ đánh giá phù hợp với quy hoạch:

a) Dự án sản xuất điện sử dụng nguồn nhiệt dư từ dây chuyền sản xuất sản phẩm cho nhu cầu tự sử dụng, không bán điện lên hệ thống điện mà không thuộc trường hợp nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định pháp luật về đất đai; nhà máy điện sản xuất tại chỗ để tự cung cấp trong các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất không đấu nối vào hệ thống điện quốc gia;

b) Dự án điện tự sản xuất tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo không đấu nối vào hệ thống điện quốc gia hoặc đấu nối lưới điện ở cấp hạ áp;

c) Điện tự sản xuất, tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới phục vụ nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình, trụ sở cơ quan nhà nước và công trình công cộng tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật này;

d) Dự án lưới điện hạ áp;

đ) Dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình điện lực mà không thay đổi quy mô công suất, cấp điện áp và không thuộc trường hợp nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định pháp luật về đất đai.

3. Đầu tư xây dựng dự án điện được hưởng chính sách ưu đãi và bảo đảm đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai, pháp luật về thuế và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nhà nước bảo đảm việc mua điện với sản

lượng điện tối thiểu trong thời gian xác định, phù hợp với các cấp độ của thị trường điện lực để tạo điều kiện cho doanh nghiệp thu xếp vốn vay.

Điều 19. Các trường hợp đầu tư xây dựng dự án, công trình điện khẩn cấp

1. Dự án, công trình xây dựng điện khẩn cấp là dự án, công trình xây dựng điện đã có trong quy hoạch phát triển điện lực hoặc phương án phát triển mạng lưới cấp điện không thuộc trường hợp bị chậm tiến độ do lỗi của chủ đầu tư hoặc do chậm thực hiện thủ tục hành chính của cơ quan quản lý nhà nước, cần thực hiện nhanh chóng để giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh cung cấp điện, bao gồm các trường hợp:

a) Dự án, công trình xây dựng nguồn điện cần phải xây dựng, đưa vào vận hành gấp để bù đắp lượng công suất nguồn điện thiếu hụt so với kế hoạch thực hiện quy hoạch do chậm tiến độ của các dự án đầu tư xây dựng nguồn điện khác gây nguy cơ thiếu điện; do thiếu hụt khi phụ tải khu vực, quốc gia tăng ngoài dự tính; do dừng dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn điện khác;

b) Dự án, công trình xây dựng lưới điện truyền tải có cấp điện áp từ 220 kV trở lên có vai trò quan trọng trong việc truyền tải công suất nguồn điện giữa các khu vực cần phải đưa vào vận hành gấp để chống quá tải của lưới điện;

c) Các công trình xây dựng lưới điện truyền tải có cấp điện áp từ 220 kV trở lên cần đầu tư gấp để đảm bảo đồng bộ với các công trình xây dựng nguồn điện khẩn cấp.

2. Các dự án, công trình xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định các dự án, công trình điện khẩn cấp

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định các dự án, công trình xây dựng nguồn điện, lưới điện khẩn cấp đáp ứng các trường hợp quy định tại Điều 19 trên cơ sở đánh giá, đề xuất của Bộ Công Thương hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý quy hoạch.

2. Thủ tướng Chính phủ giao doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp thành viên do doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ làm chủ đầu tư các dự án điện khẩn cấp, trừ dự án sử dụng vốn đầu tư công khẩn cấp theo Luật Đầu tư công và dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội theo Luật Đầu tư.

Điều 21. Các quy định ưu tiên đối với đầu tư dự án, công trình điện khẩn cấp

1. Đối với dự án, công trình xây dựng khẩn cấp sử dụng vốn đầu tư công, việc thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án, công trình không thuộc trường hợp tại khoản 1 Điều này, các quy định đầu tư xây dựng thực hiện như sau:

a) Dự án khẩn cấp không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu

tư và chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng trừ các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 2 Điều 20 Luật này tương đương với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định Luật Đầu tư và chấp thuận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định Luật Lâm nghiệp;

b) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện dự án khẩn cấp thuộc đối tượng được bảo lãnh Chính phủ theo quy định Luật Quản lý nợ công;

c) Doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp thành viên do doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ được giao làm chủ đầu tư dự án, công trình điện khẩn cấp không phải thực hiện các thủ tục trình cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước để thông qua, phê duyệt các nội dung liên quan đến dự án đầu tư, phương án huy động vốn, thế chấp tài sản để vay vốn (bao gồm tài sản hình thành trong tương lai) theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

d) Chủ đầu tư thực hiện xây dựng công trình được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng, bao gồm: giao tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng và các công việc cần thiết khác phục vụ xây dựng công trình khẩn cấp; quyết định về trình tự thực hiện khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng; quyết định về việc giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng đáp ứng yêu cầu tiến độ công trình khẩn cấp;

đ) Các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng thẩm định hồ sơ thiết kế xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường được thực hiện đồng thời ở các bước thiết kế xây dựng, đảm bảo đủ nội dung theo quy định;

e) Sau khi kết thúc thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải thực hiện kiểm tra, đánh giá lại chất lượng công trình đã được xây dựng và thực hiện bảo hành công trình, hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình và lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật về xây dựng và quyết toán công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án lưới điện đi qua địa giới hành chính của từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên

1. Đối với dự án lưới điện có cấp điện áp từ 500 kV trở lên, thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định Luật Đầu tư, trừ dự án lưới điện khẩn cấp.

2. Đối với dự án lưới điện có cấp điện áp từ 220 kV trở xuống, trừ dự án lưới điện khẩn cấp:

a) Chủ đầu tư được phép chia thành các dự án lưới điện theo địa giới hành chính của từng tỉnh nhưng phải đảm bảo phù hợp, đồng bộ với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia hoặc phương án phát triển mạng lưới cấp điện và được Ủy ban nhân dân các tỉnh thống nhất vị trí tại ranh giới;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án lưới điện thuộc địa giới hành chính của tỉnh tại điểm a khoản này.

3. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định Luật Đầu tư.

Điều 23. Chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án thủy điện

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án thủy điện tuân thủ pháp luật về đầu tư và phải bao gồm nội dung về các thông số kỹ thuật chuyên ngành thủy điện như sau: Thông tin về vị trí dự kiến xây dựng công trình (tọa độ địa lý dự kiến; tên huyện, tỉnh; tên sông, suối), sơ đồ khai thác, mực nước dâng bình thường, mực nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất hoặc mực nước hạ lưu nhà máy lớn nhất.

2. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm các nội dung thẩm định theo quy định của pháp luật về đầu tư và đánh giá sự phù hợp của các thông số kỹ thuật chuyên ngành thủy điện.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ Công Thương để lấy ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá sự phù hợp của các thông số kỹ thuật chuyên ngành thủy điện.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương có ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá sự phù hợp của các thông số kỹ thuật chuyên ngành thủy điện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan đăng ký đầu tư.

5. Trường hợp điều chỉnh các thông số kỹ thuật chuyên ngành thủy điện dẫn đến phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư thì Nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư.

Điều 24. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan.

2. Việc xây dựng các dự án, công trình liên kết lưới điện với nước ngoài trong khu vực biên giới đất liền không được làm thay đổi dấu hiệu nhận biết đường biên giới hoặc ảnh hưởng đến mốc quốc giới.

3. Đầu tư xây dựng trạm điện, công tơ và đường dây dẫn điện từ nhà máy điện đến điểm đấu nối theo thỏa thuận đấu nối trừ trường hợp có thỏa thuận khác với đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện bảo đảm quyền lợi giữa các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật.

4. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng, về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 25. Phát triển điện ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

1. Cấp điện cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải

đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ các nguồn điện, lưới điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân được sử dụng vốn đầu tư công ngân sách nhà nước; vốn tự có để đầu tư cấp điện cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm:

a) Các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế khác ngoài nhà nước;

b) Doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc đối tượng được giao kế hoạch đầu tư công theo Luật Đầu tư công để thực hiện đầu tư cấp điện các đảo; nâng cấp, cải tạo công trình điện thuộc quyền quản lý;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh sử dụng vốn đầu tư công ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển, nâng cấp, cải tạo công trình điện;

d) Trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công; Luật Đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

3. Hỗ trợ đầu tư cấp điện sinh hoạt sau công tơ cho các đối tượng như sau:

a) Các hộ nghèo;

b) Hộ gia đình người dân tộc thiểu số cư trú ở thôn, xã đặc biệt khó khăn;

c) Hộ gia đình có nhà ở bị thiệt hại hoàn toàn, phải xây dựng nhà mới do thiên tai, cháy, nổ.

4. Hỗ trợ đầu tư dây dẫn điện sau công tơ điện đến bảng điện của hộ gia đình cho các đối tượng như sau:

a) Các hộ cận nghèo;

b) Hộ gia đình người dân tộc thiểu số cư trú ở thôn, xã miền núi, biên giới, hải đảo;

c) Hộ gia đình có nhà ở bị thiệt hại hoàn toàn, không phải xây dựng nhà mới do thiên tai, cháy, nổ.

5. Dự án đầu tư tại thôn, xã đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách ưu đãi đặc biệt theo Luật Đầu tư bao gồm:

a) Dự án đầu tư thủy điện, các nguồn điện năng lượng tái tạo nhỏ khác cấp điện cho các hộ dân, trường hợp điện dư thừa được phát vào lưới điện trung, hạ áp quốc gia. Giá phát điện dư thừa đồng giá bán lẻ điện bình quân cho các hộ dân theo khoản 1 Điều 79 Luật này;

b) Dự án đầu tư, nâng cấp hoặc cải tạo lưới điện trung, hạ áp.

6. Dự án đầu tư theo khoản 5 Điều này không thuộc thôn, xã đặc biệt khó khăn, được hưởng các chính sách ưu đãi về đầu tư theo Luật Đầu tư.

7. Tiếp nhận tài sản sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng:

a) Doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu tiếp nhận công trình điện là tài sản công theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để quản lý vận

hành;

b) Hộ sử dụng điện tiếp nhận tài sản có nguồn gốc vốn đầu tư công ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm quản lý vận hành bao gồm: công trình cấp điện bằng năng lượng tái tạo độc lập cấp điện cho các hộ sử dụng điện; đầu tư sau công tơ điện.

8. Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập kế hoạch đầu tư nguồn điện và lưới điện trong kế hoạch thực hiện quy hoạch theo phạm vi phân cấp về quy hoạch, các giải pháp, nguồn lực thực hiện để cấp điện khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 26. Sử dụng đất cho các dự án điện lực

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các dự án theo quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quyết định điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia để lập, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh theo quy định của Luật Đất đai.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện theo quy định pháp luật về đất đai làm cơ sở xác định diện tích đất sử dụng đất cho các dự án.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm bố trí quỹ đất để triển khai các dự án. Việc giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai.

4. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư dự án tổ chức thực hiện công tác bồi thường, di dân, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai.

Mục 3

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐIỆN LỰC

Điều 27. Phương thức lựa chọn nhà đầu tư dự án điện lực

1. Lựa chọn nhà đầu tư các dự án được tiến hành thông qua một trong các phương thức sau đây:

a) Lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và đầu tư công thực hiện theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư công;

b) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án điện lực quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Dự án khẩn cấp thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật này;

d) Các dự án không thuộc điểm a, điểm b và điểm c khoản này thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu dựa trên nguyên tắc tiêu chuẩn, tiêu chí hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa

phương là mức trần giá điện dưới trần khung giá do Bộ Công Thương ban hành và nguyên tắc xác định giá điện.

2. Các dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư phải thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Các dự án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư;

b) Các dự án thủy điện mở rộng, các dự án cải tạo hoặc nâng cấp lưới điện, các dự án nguồn điện tự sản xuất tự tiêu thụ;

c) Các dự án nằm trong danh mục thuộc Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

3. Các dự án thay đổi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Chính phủ quy định chi tiết điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 28. Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án điện lực không thực hiện đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư công

1. Thẩm quyền tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư như sau:

a) Bộ Công Thương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án điện lực thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án tổ chức lựa chọn nhà đầu tư các dự án do mình chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Căn cứ yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng và điều kiện cho phép về tiến bộ khoa học, kỹ thuật, nguồn nhân lực, khả năng tài chính của nền kinh tế, Chính phủ quy định các cơ chế về: nguyên tắc giá, cam kết sản lượng tối thiểu, bảo lãnh đầu tư, chuyển đổi ngoại tệ, các cam kết về chuyển giao công nghệ và tăng tối đa sử dụng hàng hóa và dịch vụ trong nước, bảo đảm của nhà nước để thực hiện dự án đầu tư khi lập hồ sơ mời thầu, đặc biệt là các loại hình điện khí, điện gió trên bờ và năng lượng mới.

3. Bộ Công Thương ban hành mẫu hồ sơ mời thầu để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án điện lực (bao gồm cả mẫu hợp đồng mua bán điện giữa nhà đầu tư trúng thầu và bên mua điện).

4. Trước khi tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, các dự án điện lực phải thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, phê duyệt quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. Hồ sơ mời thầu được lập trên cơ sở các tài liệu sau: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng dự án điện lực, dự thảo hợp đồng mua bán điện được thống nhất với Bên mua điện.

5. Bên mua điện có trách nhiệm hoàn thiện, ký kết hợp đồng mua bán điện trên cơ sở kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án điện lực.

Chương III

PHÁT TRIỂN ĐIỆN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO, ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MỚI

Điều 29. Quy định chung trong phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới

1. Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động để phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, quyền chủ quyền, quyền tài phán, bảo đảm lợi ích và an ninh quốc gia của Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động để phát triển điện năng lượng mới, điện năng lượng tái tạo có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ quy định của Luật này, pháp luật Việt Nam về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên, di sản văn hóa và bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

b) Phải sử dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, áp dụng các tiêu chuẩn phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Nguyên tắc phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới:

a) Bảo đảm an ninh cung cấp điện và an toàn hệ thống điện;

b) Đồng bộ với phát triển cơ sở hạ tầng của hệ thống điện (lưới điện, trạm biến áp..) để tránh đầu tư xây dựng nhưng không giải tỏa được công suất gây lãng phí, thất thoát;

c) Đồng bộ kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tham gia nghiên cứu, hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng mới, tiến tới tự chủ về công nghệ;

d) Phát triển tại các vùng, miền, địa phương có tiềm năng, lợi thế về năng lượng tái tạo, năng lượng mới; phù hợp với nhu cầu phụ tải;

đ) Ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới nhằm khai thác tài nguyên thiên nhiên bền vững, hợp lý và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và phục vụ xuất khẩu điện hợp lý;

e) Bố trí hợp lý các nguồn điện ở các địa phương trong vùng nhằm khai thác hiệu quả các nguồn điện, đảm bảo tin cậy cung cấp điện, giảm tổn thất kỹ thuật, giảm truyền tải điện đi xa;

g) Ưu tiên phát triển các dự án nguồn điện lớn để hình thành cụm nhà máy hoặc trung tâm năng lượng tái tạo nhằm phát huy lợi thế tự nhiên, hạ tầng lưới điện và phù hợp với nhu cầu phụ tải của từng vùng, từng địa phương (ngoại trừ nguồn điện phân tán quy mô nhỏ, phục vụ tự sản, tự tiêu), phù hợp với điều

kiện, trình độ phát triển kinh tế trong từng thời kỳ;

h) Phát triển phù hợp điện mặt trời trên mặt nước, lòng hồ thủy lợi; ưu tiên phát triển tại mặt nước lòng hồ thủy điện hiện có, không phải đầu tư mới lưới điện truyền tải.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư dự án điện gió, điện mặt trời kết hợp với đầu tư hệ thống lưu trữ điện để hoạt động phát điện và sử dụng điện. Đối với nguồn điện mặt trời và điện gió, công suất phê duyệt trong giai đoạn quy hoạch là công suất phát điện định mức vào hệ thống điện quốc gia. Công suất lắp đặt do chủ đầu tư quyết định trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng để bảo đảm tỉ lệ công suất hệ thống lưu trữ điện theo quy định và hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

4. Phát triển điện từ năng lượng tái tạo, năng lượng mới tạo nền tảng để chuyển dịch cơ cấu điện năng theo hướng các- bon thấp, đạt mục tiêu giảm phát thải và bảo đảm phát triển hệ thống điện bền vững.

5. Nhà máy điện gió gần bờ là nhà máy điện gió trên biển, có toàn bộ tuabin được xây dựng trong vùng biển 06 hải lý từ đường mực nước triều trung bình nhiều năm ra phía biển.

6. Chính phủ quy định chi tiết hệ số sử dụng đất, hệ số sử dụng mặt nước, hệ số sử dụng khu vực biển, ban hành cơ chế ưu đãi, hỗ trợ phát triển hệ thống lưu trữ của dự án điện từ nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện phát triển khoa học, công nghệ trong lĩnh vực này.

Điều 30. Khảo sát tiềm năng, định hướng phát triển

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức khảo sát, đánh giá tiềm năng tài nguyên các loại hình năng lượng sau trên toàn quốc:

a) Tài nguyên năng lượng gió bao gồm: tốc độ gió cao nhất, thấp nhất, trung bình theo ngày, tháng và cả năm;

b) Tài nguyên năng lượng mặt trời bao gồm: bức xạ mặt trời cao nhất, thấp nhất, trung bình theo ngày, tháng và cả năm;

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và đô thị;

d) Tài nguyên năng lượng địa nhiệt, sóng biển, thủy triều và các dạng tài nguyên năng lượng đại dương khác.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức khảo sát, đánh giá tiềm năng phát thuộc phạm vi quản lý địa giới hành chính như sau:

a) Các loại hình tại khoản 1 Điều này theo phân công của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Tài nguyên sinh khối;

c) Nguồn chất thải của quá trình sản xuất, kinh doanh ngoài đối tượng tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Nhà nước khuyến khích, huy động nguồn tài chính hợp pháp và đóng

góp về khoa học, kỹ thuật của tổ chức, cá nhân phục vụ công tác khảo sát tiềm năng.

4. Thông tin, dữ liệu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là một cơ sở để cơ quan tổ chức lập quy hoạch và đơn vị tư vấn lập quy hoạch sử dụng trong quá trình lập Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

5. Trừ thông tin, dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý, công bố, chia sẻ thông tin theo quy định của pháp luật. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp thông tin, dữ liệu trên toàn quốc tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 31. Phát triển điện tự sản xuất tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển điện tự sản xuất tự tiêu thụ từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới để cung cấp cho nhu cầu phụ tải của tổ chức, cá nhân đó, bao gồm:

a) Điện sinh hoạt của hộ gia đình;

b) Điện của trụ sở cơ quan nhà nước, các công trình xây dựng phục vụ hoạt động công cộng;

c) Điện phục vụ sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh cá thể;

d) Điện của trụ sở đơn vị sự nghiệp, tòa nhà chung cư.

2. Yêu cầu đối với phát triển nguồn điện tại khoản 1 Điều này:

a) Công suất phát triển và điện năng sản xuất từ nguồn này bảo đảm phù hợp với nhu cầu phụ tải điện của tổ chức, cá nhân và phù hợp với điều kiện phát triển của hệ thống điện;

b) Việc đấu nối với hệ thống điện thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Chính sách khuyến khích:

a) Nguồn điện quy định tại khoản 1 Điều này được phép đấu nối với hệ thống điện quốc gia theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, cá nhân đầu tư, lắp đặt điện mặt trời mái nhà của công trình xây dựng, điện gió quy mô nhỏ tại khoản 1 Điều này không phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất của công trình hiện hữu sang đất công trình năng lượng theo quy định của Chính phủ;

c) Khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển nguồn điện tại khoản 1 Điều này lắp đặt hệ thống lưu trữ điện để đảm bảo ổn định cung cấp điện cho nhu cầu phụ tải của tổ chức, cá nhân đó.

4. Quy định phát sản lượng điện dư:

a) Tổ chức, cá nhân có nguồn điện tại khoản 1 Điều này được lựa chọn phát sản lượng điện dư vào hệ thống điện quốc gia;

b) Trước khi đầu tư nguồn điện tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thỏa thuận với đơn vị mua điện về tỷ lệ sản lượng điện dư và giá bán điện dư theo quy định của pháp luật. Đơn vị mua điện căn cứ nhu cầu và điều kiện vận hành hệ thống điện để quyết định việc huy động sản lượng điện dư;

c) Đơn vị mua điện chịu trách nhiệm lắp đặt công tơ hai chiều cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nếu hộ gia đình lựa chọn phát sản lượng điện dư.

5. Căn cứ khả năng kỹ thuật, điều kiện kinh tế và khả năng ngân sách tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình lắp đặt điện tự sản, tự tiêu tại điểm a khoản 1 Điều này:

a) Hỗ trợ về tài chính cho đầu tư lắp đặt điện mặt trời mái nhà và pin lưu trữ;

b) Hỗ trợ kỹ thuật về thiết kế, giải pháp bảo đảm an toàn chịu lực công trình, giải pháp phòng cháy chữa cháy.

6. Căn cứ điều kiện kỹ thuật, khả năng tài chính, người có thẩm quyền quyết định việc đầu tư, lắp đặt nguồn điện tại điểm b khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, xây dựng và pháp luật liên quan.

7. Chính phủ quy định cụ thể:

a) Trình tự, thủ tục thực hiện, đăng ký phát triển;

b) Cơ chế mua bán sản lượng điện dư, quy mô công suất lắp đặt;

c) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan khi phát triển nguồn điện tại khoản 1 Điều này.

Điều 32. Phát triển điện gió ngoài khơi

1. Nhà máy điện gió ngoài khơi là nhà máy điện gió trên biển, có toàn bộ tuabin điện gió được xây dựng ngoài vùng biển 06 hải của đất liền.

2. Công trình chính của dự án điện gió ngoài khơi bao gồm:

a) Công trình nhà máy điện bao gồm: các thiết bị, kết cấu xây dựng và đường dây điện liên kết đồng bộ của tuabin gió;

b) Công trình lưới điện đấu nối đồng bộ bao gồm: trạm điện tăng áp, đường dây đấu nối từ nhà máy điện gió tới điểm đấu nối của hệ thống điện.

3. Căn cứ mục tiêu phát triển và thu hút đầu tư từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau của dự án điện gió ngoài khơi:

a) Cam kết tỷ lệ sản lượng điện tối thiểu được bảo đảm huy động so với tổng sản lượng điện phát cao nhất của nhà máy trong năm và thời gian thực hiện cam kết đối với nguồn điện đấu nối lên hệ thống điện quốc gia;

b) Thời gian và giá trị miễn, giảm đối với chi phí thuê khu vực biển phục vụ khảo sát lập dự án đầu tư;

c) Thời gian và giá trị miễn, giảm đối với chi phí thuê khu vực biển phục vụ xây dựng, vận hành dự án điện gió ngoài khơi;

d) Tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong dự án điện gió ngoài khơi;

đ) Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

4. Lựa chọn, chấp thuận nhà đầu tư:

a) Thủ tướng Chính phủ chấp thuận nhà đầu tư dự án điện gió ngoài khơi thuộc đối tượng quy định tại Điều 19 Luật này;

b) Dự án điện gió ngoài khơi không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này, thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo mục 3 Chương II Luật này.

5. Khi thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan.

Điều 33. Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong dự án điện gió ngoài khơi

1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong dự án điện gió ngoài khơi. Việc chuyển nhượng phần cổ phần, phần vốn góp, quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trong dự án điện gió ngoài khơi phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Sau khi dự án đã vận hành, phát điện theo pháp luật;

b) Thời hạn thực hiện và tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Chính phủ;

c) Có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, việc chuyển nhượng, mua bán cổ phần, phần vốn góp và chuyển nhượng một phần dự án, toàn bộ dự án phải tuân thủ Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Biển Việt Nam và pháp luật có liên quan.

3. Đối với hoạt động tại khoản 2 Điều này có yếu tố nước ngoài, phải có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 34. Phát triển điện từ năng lượng mới

Căn cứ yêu cầu đảm bảo an ninh năng lượng và điều kiện cho phép về tiến bộ khoa học, kỹ thuật, nguồn nhân lực, khả năng tài chính của nền kinh tế, Chính phủ quyết định chính sách cụ thể khuyến khích phát triển và thu hút đầu tư vào điện năng lượng mới gồm:

1. Cam kết tỷ lệ sản lượng điện tối thiểu được bảo đảm huy động so với tổng sản lượng điện phát cao nhất của nhà máy trong năm và thời gian thực hiện cam kết đối với nguồn điện đầu nối với hệ thống điện quốc gia.

2. Các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư đặc biệt theo pháp luật về đầu tư.

Điều 35. Cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị dự án điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới

1. Trong thời gian vận hành nhà máy điện theo thiết kế được duyệt, trong thời hạn hoạt động của dự án đầu tư các dự án điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới được cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị khác so với thông số kỹ thuật đang vận hành để đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả.

2. Công suất phát điện vào hệ thống điện quốc gia của các dự án tại khoản 1 Điều này không vượt quá công suất được ghi trong văn bản pháp lý của dự án:

- a) Quyết định phê duyệt quy hoạch hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch;
- b) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- c) Giấy phép hoạt động điện lực;
- d) Hợp đồng mua bán điện đã ký.

3. Khi thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu dự án điện chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để cập nhật, điều chỉnh theo quy định của pháp luật các hồ sơ, giấy phép liên quan đối với các lĩnh vực:

- a) Môi trường;
- b) Đầu tư;
- c) Đất đai (nếu có);
- d) Hoạt động điện lực;
- đ) Phòng cháy và chữa cháy;
- e) Mua bán điện;
- g) Vận hành hệ thống điện.

Điều 36. Tháo dỡ dự án điện năng lượng mới, điện năng lượng tái tạo sau khi chấm dứt hoạt động

1. Công trình, phần dự án hoặc dự án nhà máy điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới phải tháo dỡ sau khi chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a) Khi hết thời hạn sử dụng theo pháp luật về xây dựng nếu không được gia hạn thời hạn sử dụng theo pháp luật về xây dựng;
- b) Khi hết thời hạn hoạt động theo pháp luật về đầu tư hoặc hết thời hạn hoạt động dự án đầu tư nhưng không được gia hạn.

2. Việc gia hạn thời hạn sử dụng, thời hạn hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, sau khi có đánh giá về vấn đề an toàn, xây dựng, an ninh, quốc phòng. Khi có sự khác nhau về thời hạn theo điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, việc tháo dỡ sau khi chấm dứt hoạt động thực hiện theo điều kiện đến trước.

- 3. Tháo dỡ nhà máy điện mặt trời, nhà máy điện gió:

a) Chủ đầu tư, chủ sở hữu dự án nhà máy điện mặt trời, nhà máy điện gió phải thực hiện tháo dỡ nhà máy theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;

b) Việc tháo dỡ, thu hồi, xử lý các sản phẩm sau khi tháo dỡ thực hiện theo quy định của pháp luật về môi trường và pháp luật có liên quan;

c) Chủ đầu tư có trách nhiệm bố trí đủ kinh phí trong thời hạn 02 năm trước thời điểm chấm dứt hoạt động và tổ chức thực hiện tháo dỡ. Kinh phí tháo dỡ do doanh nghiệp dự án, chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu xếp từ kinh phí vận hành, bảo dưỡng và từ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm hoàn thành tháo dỡ trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm chấm dứt hoạt động theo khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 37. Quản lý, vận hành điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới

Ngoài việc tuân thủ các quy định về vận hành hệ thống điện tại Chương VI Luật này, các đơn vị phát điện từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới (trừ điện mặt trời mái nhà của hộ gia đình hoặc hệ thống có quy mô đến 01 MW) có trách nhiệm:

1. Chia sẻ, cung cấp dữ liệu quan trắc thông số nguồn năng lượng sơ cấp của dự án (bức xạ mặt trời, tốc độ gió, nhiệt độ, lưu lượng mưa, dòng chảy) và thống kê sản lượng điện của nhà máy hằng năm.

2. Cung cấp các dữ liệu tại khoản 1 Điều này cho Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh và đơn vị vận hành hệ thống điện quốc gia để quản lý, theo dõi:

a) Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm;

b) Cung cấp dữ liệu thông qua hệ thống thông tin điện lực hoặc gửi văn bản tới bộ phận tiếp nhận văn bản đến của Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh và đơn vị vận hành hệ thống điện quốc gia.

Chương IV

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

Điều 38. Nguyên tắc cấp giấy phép hoạt động điện lực

1. Các lĩnh vực hoạt động điện lực phải được cấp giấy phép gồm: phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện.

2. Tổ chức đủ điều kiện hoạt động theo quy định của Luật này được cấp giấy phép hoạt động điện lực, trừ các trường hợp quy định tại Điều 45 Luật này.

3. Không cấp giấy phép hoạt động điện lực cho giai đoạn đầu tư. Hoạt động đầu tư trong lĩnh vực điện lực thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Giấy phép hoạt động điện lực được cấp cho tổ chức để thực hiện một hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động điện lực.

5. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện được cấp cho tổ chức sở hữu nhà máy điện theo hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình.

6. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải điện được cấp theo phạm vi quản lý, vận hành lưới điện truyền tải cụ thể.

7. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện được cấp theo phạm vi quản lý, vận hành lưới điện phân phối cụ thể.

8. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán buôn điện được cấp theo phạm vi bán điện cụ thể.

9. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán lẻ điện được cấp theo phạm vi bán điện cụ thể, trừ phạm vi do cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho đơn vị khác.

10. Trước giai đoạn vận hành thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán lẻ điện được cấp đồng thời với lĩnh vực phát điện hoặc phân phối điện.

Điều 39. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện

1. Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có hạng mục công trình, công trình phát điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh.

3. Có hạng mục công trình, công trình phát điện được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế được phê duyệt, đáp ứng điều kiện đưa hạng mục công trình, công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định.

4. Có người quản lý kỹ thuật và đội ngũ trực tiếp tham gia công tác vận hành đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn theo quy định của Chính phủ.

5. Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống điều khiển giám sát, thu thập dữ liệu phù hợp với yêu cầu của hệ thống điện và thị trường điện.

6. Có báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án phát điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định.

7. Đối với nhà máy thủy điện: Có quy trình vận hành hồ chứa; phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện; phương án ứng phó thiên tai; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp được phê duyệt theo quy định.

8. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mặt nước, khu vực biển theo quy định để thực hiện dự án.

9. Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hạng mục công trình, công trình phát điện theo quy định.

Điều 40. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải điện

1. Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Có hạng mục công trình, công trình truyền tải điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh.
3. Có hạng mục công trình, công trình truyền tải điện được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế được phê duyệt, đáp ứng điều kiện đưa hạng mục công trình, công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định.
4. Có người quản lý kỹ thuật và đội ngũ trực tiếp tham gia công tác vận hành đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn theo quy định của Chính phủ.
5. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mặt nước, khu vực biển theo quy định để thực hiện dự án.
6. Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hạng mục công trình, công trình truyền tải điện theo quy định.

Điều 41. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện

1. Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Có hạng mục công trình, công trình phân phối điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh.
3. Có hạng mục công trình, công trình phân phối điện được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế được phê duyệt, đáp ứng điều kiện đưa hạng mục công trình, công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định.
4. Có người quản lý kỹ thuật và đội ngũ trực tiếp tham gia công tác vận hành đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn theo quy định của Chính phủ.
5. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mặt nước, khu vực biển theo quy định để thực hiện dự án.
6. Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hạng mục công trình, công trình phân phối điện theo quy định.

Điều 42. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán buôn điện

1. Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Có phương án hoạt động bán buôn điện.
3. Có người quản lý kinh doanh bán buôn điện đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn theo quy định của Chính phủ.

Điều 43. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán lẻ điện

1. Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Có phương án hoạt động bán lẻ điện.
3. Có người quản lý kinh doanh bán lẻ điện đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn theo quy định của Chính phủ.

Điều 44. Các trường hợp cấp giấy phép hoạt động điện lực

1. Cấp mới giấy phép hoạt động điện lực trong các trường hợp:
 - a) Cấp giấy phép lần đầu đối với hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình phát điện trong lĩnh vực phát điện;
 - b) Cấp giấy phép lần đầu đối với phạm vi cụ thể trong lĩnh vực truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện;
 - c) Cấp mới giấy phép hoạt động điện lực trong trường hợp thay đổi phạm vi hoạt động, thông số kỹ thuật chính của công trình điện, công nghệ sử dụng trong hoạt động điện lực của giấy phép đã cấp.
2. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực trong các trường hợp:
 - a) Theo đề nghị của tổ chức được cấp giấy phép khi có sự thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 46 hoặc giảm lĩnh vực hoạt động tại khoản 2 Điều 46 Luật này;
 - b) Trường hợp cần bảo vệ lợi ích quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích kinh tế - xã hội, lợi ích công cộng, theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, cơ quan cấp giấy phép có quyền sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực;
 - c) Trường hợp có sai sót về các nội dung ghi trong giấy phép đã cấp, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm sửa đổi giấy phép đã cấp.
3. Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực trong các trường hợp:
 - a) Khi có đề nghị của tổ chức được cấp giấy phép trong trường hợp giấy phép còn thời hạn bị mất, bị hỏng;
 - b) Khi giấy phép đã cấp hết hạn hoặc còn thời hạn dưới 06 tháng và có đề nghị của tổ chức được cấp giấy phép. Trong trường hợp này, các nội dung của giấy phép quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 46 Luật này không thay đổi so với giấy phép đã cấp;
 - c) Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật này.

4. Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực: Giấy phép hoạt động điện lực được gia hạn trong trường hợp giấy phép còn hiệu lực và thời điểm hết hiệu lực của giấy phép đến trước thời điểm chuyển giao tài sản, công trình điện hoặc thời điểm dừng hoạt động của dự án không quá 12 tháng.

5. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực.

Điều 45. Miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực

1. Các trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng cơ sở phát điện để tự sử dụng, không bán điện cho tổ chức, cá nhân khác và có công suất lắp đặt dưới mức công suất theo quy định;

b) Tổ chức hoạt động phát điện có công suất lắp đặt dưới mức công suất theo quy định;

c) Tổ chức kinh doanh điện tại vùng nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo mua điện với công suất nhỏ hơn mức công suất theo quy định từ lưới điện phân phối để bán điện trực tiếp tới khách hàng sử dụng điện tại vùng nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo;

d) Tổ chức hoạt động phát điện lên lưới điện quốc gia thì được miễn trừ giấy phép bán buôn điện;

đ) Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực;

e) Hạng mục công trình, công trình xây dựng nguồn điện, lưới điện khẩn cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật này được miễn giấy phép hoạt động điện lực trong thời gian 06 tháng kể từ thời điểm vận hành;

g) Các hoạt động điện lực khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật này.

2. Tổ chức được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực theo quy định tại khoản 1 Điều này phải tuân thủ các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật quản lý vận hành, các quy định về giá điện, điều kiện về kỹ thuật, an toàn và các nghĩa vụ theo lĩnh vực hoạt động điện lực được quy định tại Luật này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, kiểm tra tổ chức hoạt động điện lực tại địa phương theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ quy định cụ thể mức công suất được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 46. Nội dung của giấy phép hoạt động điện lực

1. Tên, địa chỉ trụ sở của tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực.

2. Lĩnh vực hoạt động điện lực.

3. Phạm vi hoạt động điện lực.

4. Thông số kỹ thuật chính của công trình điện, công nghệ sử dụng trong hoạt động điện lực đối với lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện.

5. Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

6. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực.

Điều 47. Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực

1. Thời hạn tối đa trong giấy phép hoạt động điện lực quy định như sau:

a) Thời hạn tối đa của giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện là 20 năm;

b) Thời hạn tối đa của giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải điện là 20 năm;

c) Thời hạn tối đa của giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện là 10 năm;

d) Thời hạn tối đa của giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện là 10 năm.

2. Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực được cấp theo thời hạn của giấy phép cũ trong trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép và trường hợp cấp lại khi giấy phép còn thời hạn bị mất, bị hỏng.

3. Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực không quá 12 tháng đối với trường hợp gia hạn giấy phép.

4. Tổ chức đề nghị thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực ngắn hơn thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này thì cấp theo thời hạn đề nghị, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Căn cứ điều kiện thực tế về hạng mục công trình điện, phương án bán buôn, bán lẻ điện, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực có thời hạn ngắn hơn thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

Điều 48. Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực

1. Tổ chức bị thu hồi giấy phép hoạt động điện lực trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức có nhu cầu ngừng hoạt động điện lực hoặc chuyển giao hoạt động điện lực đã được cấp phép cho tổ chức khác;

b) Không bảo đảm một trong các điều kiện hoạt động điện lực được cấp phép theo quy định;

c) Không thực hiện đúng lĩnh vực hoạt động điện lực hoặc phạm vi hoạt động điện lực được ghi trong giấy phép hoạt động điện lực;

d) Cho thuê, cho mượn, tự ý sửa chữa nội dung giấy phép hoạt động điện lực;

đ) Giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực;

e) Không thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi vi phạm các quy định về giấy phép hoạt động điện lực và không thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong thời hạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức bị thu hồi giấy phép hoạt động điện lực theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này được đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động điện lực sau khi đã hoàn thành các trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

Điều 49. Thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực

1. Bộ Công Thương cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phát điện, phân phối điện, bán lẻ điện trong phạm vi địa phương theo quy định của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động điện lực cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phát điện, phân phối điện, bán lẻ điện thuộc chức năng và phạm vi quản lý của cơ quan này.

3. Cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

4. Căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực theo quy mô công suất, cấp điện áp, phạm vi của lĩnh vực hoạt động điện lực.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp phép

1. Quyền của tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực:

a) Được hoạt động điện lực theo nội dung quy định trong giấy phép;

b) Đề nghị cấp lại, gia hạn, sửa đổi hoặc bổ sung lĩnh vực hoạt động điện lực khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định;

c) Được cung cấp các thông tin cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật trong lĩnh vực được cấp giấy phép;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực:

a) Hoạt động điện lực theo đúng nội dung quy định trong giấy phép;

b) Đảm bảo các điều kiện hoạt động điện lực được cấp phép trong suốt thời gian hoạt động;

c) Nộp đầy đủ các loại phí có liên quan tới giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

d) Báo cáo cơ quan cấp giấy phép chậm nhất 60 ngày trước khi ngừng hoạt động điện lực;

đ) Không được cho thuê, cho mượn, tự ý sửa chữa nội dung giấy phép hoạt động điện lực;

e) Chịu sự kiểm tra, thanh tra và chấp hành quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng giấy phép và các điều kiện hoạt động điện lực đã đăng ký;

g) Đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực khi thay đổi tên, địa chỉ đăng ký kinh doanh của đơn vị được cấp giấy phép hoạt động điện lực;

h) Báo cáo cơ quan cấp giấy phép về tình hình hoạt động trong lĩnh vực được cấp phép trước ngày 01 tháng 3 hằng năm;

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

HOẠT ĐỘNG MUA BÁN ĐIỆN

Mục 1

THỊ TRƯỜNG ĐIỆN CẠNH TRANH

Điều 51. Nguyên tắc hoạt động

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, không phân biệt đối xử giữa các đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh.

2. Tôn trọng quyền được tự chọn đối tác và hình thức giao dịch của các đối tượng mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh.

3. Nhà nước điều tiết hoạt động của thị trường điện cạnh tranh nhằm bảo đảm phát triển hệ thống điện bền vững, đáp ứng yêu cầu cung cấp điện an toàn, ổn định, hiệu quả.

Điều 52. Cấp độ phát triển thị trường điện cạnh tranh

1. Thị trường điện cạnh tranh phát triển theo các cấp độ sau đây:

a) Thị trường phát điện cạnh tranh;

b) Thị trường bán buôn điện cạnh tranh;

c) Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

2. Trước khi bắt đầu vận hành các cấp độ thị trường điện cạnh tranh, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ cấu ngành điện, cơ sở hạ tầng hệ thống điện và thị trường điện, cải cách cơ chế giá điện, giảm dần, tiến tới xóa bỏ bù chéo giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng miền từng bước hoàn thành để phù hợp với yêu cầu vận hành của các cấp độ thị trường điện cạnh tranh.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện cạnh tranh; quy định nguyên tắc hoạt động, lộ trình phát triển thị trường điện cạnh tranh phù hợp với quy định tại khoản 15 Điều 5 Luật này và tình hình kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ.

Điều 53. Đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ

1. Các đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh bao gồm:

- a) Đơn vị phát điện;
- b) Đơn vị truyền tải điện;
- c) Đơn vị phân phối điện;
- d) Đơn vị bán buôn điện;
- đ) Đơn vị bán lẻ điện;
- e) Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia;
- g) Đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực;
- h) Khách hàng sử dụng điện.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết về việc tham gia của các đối tượng tại khoản 1 Điều này phù hợp với từng cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh.

Điều 54. Mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ

1. Đối tượng mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh bao gồm:

- a) Đơn vị phát điện;
- b) Đơn vị bán buôn điện;
- c) Đơn vị bán lẻ điện;
- d) Khách hàng sử dụng điện.

2. Việc mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh được thực hiện theo các hình thức sau đây:

- a) Mua bán thông qua hợp đồng giữa bên bán điện và bên mua điện;
- b) Mua bán giao ngay giữa bên bán điện và bên mua điện thông qua đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực;
- c) Mua bán thông qua hợp đồng kỳ hạn điện giữa bên bán điện và bên mua điện.

3. Giá mua bán điện giao ngay được hình thành theo từng chu kỳ giao dịch của thị trường điện lực và do đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực công bố.

Điều 55. Hoạt động, điều hành giao dịch trong thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ

1. Các hoạt động, điều hành giao dịch trong thị trường điện cạnh tranh bao gồm:

a) Dự báo đầy đủ, tin cậy cung cầu điện năng và lập kế hoạch vận hành thị trường điện;

b) Mua bán điện giao ngay trên thị trường điện;

c) Chào giá và xác định giá thị trường;

d) Cung cấp các dịch vụ phụ trợ và giá dịch vụ phụ trợ phù hợp với từng cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh;

đ) Lập hoá đơn và thanh toán giữa các đối tượng mua bán điện quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật này và các đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ;

e) Cung cấp, công bố thông tin liên quan đến hoạt động, điều hành giao dịch trên thị trường điện lực cho các bên liên quan;

g) Cung cấp các dịch vụ giao dịch và dịch vụ thanh toán đối với phần điện năng và công suất được mua bán theo hình thức giao ngay và các dịch vụ phụ trợ;

h) Tiếp nhận và xử lý các kiến nghị liên quan đến hoạt động giao dịch mua bán điện trên thị trường điện lực để bảo đảm sự ổn định, hiệu quả và ngăn chặn các hành vi cạnh tranh không lành mạnh;

i) Giám sát vận hành thị trường điện;

k) Báo cáo về hoạt động giao dịch mua bán điện trên thị trường điện lực với cơ quan điều tiết điện lực.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết khoản 1 Điều này phù hợp với từng cấp độ phát triển của thị trường điện lực.

Điều 56. Quyền và nghĩa vụ Đơn vị phát điện khi tham gia thị trường điện cạnh tranh

1. Đơn vị phát điện tham gia thị trường điện cạnh tranh có các quyền sau đây:

a) Cạnh tranh bán điện cho bên mua điện thông qua hợp đồng kỳ hạn điện và chào giá bán điện giao ngay trên thị trường điện cạnh tranh;

b) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động phát điện trong thị trường điện cạnh tranh;

c) Các quyền khác theo quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ.

2. Đơn vị phát điện tham gia thị trường điện cạnh tranh có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ;

b) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán buôn điện khi tham gia thị trường điện cạnh tranh

1. Đơn vị bán buôn điện tham gia thị trường điện cạnh tranh có các quyền

sau đây:

a) Cạnh tranh mua, bán điện trên thị trường điện cạnh tranh theo hợp đồng bán buôn điện, hợp đồng kỳ hạn điện;

b) Định giá bán buôn điện trong khung giá bán buôn điện đã được phê duyệt để cạnh tranh mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh;

c) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán buôn điện trong thị trường điện cạnh tranh;

d) Các quyền khác theo quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ.

2. Đơn vị bán buôn điện tham gia thị trường điện cạnh tranh có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ;

b) Cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động tham gia thị trường điện cạnh tranh theo yêu cầu của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia, đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán lẻ điện khi tham gia thị trường điện cạnh tranh

1. Đơn vị bán lẻ điện tham gia thị trường điện cạnh tranh có các quyền sau đây:

a) Cạnh tranh mua, bán điện trên thị trường điện cạnh tranh theo hợp đồng bán buôn điện, hợp đồng kỳ hạn điện;

b) Định giá bán lẻ điện trên thị trường bán lẻ điện cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 77 của Luật này;

c) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan phục vụ hoạt động bán lẻ điện trong thị trường điện cạnh tranh;

d) Các quyền khác theo quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ.

2. Đơn vị bán lẻ điện tham gia thị trường điện cạnh tranh có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ;

b) Cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động tham gia thị trường điện cạnh tranh theo yêu cầu của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia, đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện khi tham

gia thị trường điện cạnh tranh

1. Khách hàng sử dụng điện khi tham gia thị trường điện cạnh tranh có các quyền sau đây:

a) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến: quy định về vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh, bán lẻ điện cạnh tranh; hoạt động của đơn vị bán lẻ điện trong thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;

b) Được lựa chọn bên bán điện trong thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;

c) Khách hàng sử dụng điện lớn được mua điện trực tiếp từ đơn vị phát điện thông qua hợp đồng mua bán điện, hợp đồng kỳ hạn điện và mua điện giao ngay trên thị trường điện cạnh tranh;

d) Các quyền khác theo quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ.

2. Khách hàng sử dụng điện khi tham gia thị trường điện cạnh tranh có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ;

b) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện cung cấp dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện trong thị trường điện cạnh tranh

1. Đơn vị truyền tải điện, phân phối điện có các quyền sau đây:

a) Được tiếp cận các thông tin, quy định vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ;

b) Ký hợp đồng cung cấp dịch vụ truyền tải, phân phối điện với các đối tượng tham gia mua bán điện cạnh tranh trên thị trường điện theo các cấp độ;

c) Các quyền khác theo quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ.

2. Đơn vị truyền tải điện, phân phối điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ;

b) Không phân biệt đối xử giữa các đối tượng tham gia cạnh tranh trên thị trường điện khi sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực

1. Đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực có các quyền sau đây:

a) Vận hành thị trường điện giao ngay;

b) Yêu cầu các đơn vị điện lực liên quan cung cấp các số liệu phục vụ công tác điều hành giao dịch trên thị trường điện lực theo quy định của pháp luật;

c) Đầu tư, lắp đặt, quản lý, vận hành Hệ thống thu thập số liệu đo đếm và Hệ thống quản lý số liệu đo đếm trong phạm vi quản lý theo từng cấp độ của thị trường điện cạnh tranh;

d) Đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng thông tin thị trường điện trong phạm vi quản lý để phục vụ hoạt động của thị trường điện theo các cấp độ thị trường điện cạnh tranh;

đ) Xây dựng và trình duyệt giá điều hành giao dịch thị trường điện lực;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy định trong thị trường điện cạnh tranh và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Điều hoà, phối hợp hoạt động giao dịch mua bán điện và dịch vụ phụ trợ trên thị trường điện cạnh tranh;

c) Công bố các thông tin kế hoạch vận hành thị trường điện năm tới, tháng tới, tuần tới, lập lịch ngày tới, chu kỳ tới;

d) Công bố giá điện giao ngay và giá dịch vụ phụ trợ;

đ) Cung cấp các dịch vụ giao dịch và dịch vụ thanh toán đối với điện năng và công suất được mua bán trên thị trường điện giao ngay và dịch vụ phụ trợ phù hợp với từng cấp độ phát triển thị trường điện cạnh tranh;

e) Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thông tin thị trường điện và cơ sở hạ tầng viễn thông, thông tin chuyên ngành phục vụ điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện;

g) Tiếp nhận, thẩm định, đánh giá và xác nhận hồ sơ đăng ký tham gia thị trường điện của các đơn vị có nhu cầu tham gia thị trường điện;

h) Giám sát hoạt động đăng ký tham gia thị trường điện của các thành viên;

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Tạm ngừng, khôi phục hoạt động của thị trường điện giao ngay trong thị trường điện cạnh tranh các cấp độ

1. Bộ Công Thương thực hiện tạm ngừng hoạt động của thị trường điện giao ngay trong thị trường điện cạnh tranh các cấp độ trong trường hợp sau đây:

a) Các tình huống khẩn cấp về thảm họa thiên tai hoặc bảo vệ an ninh quốc phòng;

b) Hệ thống điện vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp, không đảm bảo vận hành hệ thống điện và thị trường điện ổn định, an toàn và liên tục;

c) Các sự kiện bất khả kháng khác làm ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch bình thường trên thị trường điện giao ngay.

2. Bộ Công Thương thực hiện khôi phục hoạt động của thị trường điện giao ngay trong thị trường điện cạnh tranh các cấp độ khi những nguyên nhân dẫn

đến việc tạm ngừng hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được khắc phục.

Mục 2

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP ĐIỆN

Điều 63. Hợp đồng mua bán điện giữa bên bán điện và bên mua điện, hợp đồng bán buôn điện và hợp đồng dịch vụ phụ trợ hệ thống điện

1. Nội dung chính của hợp đồng mua bán điện giữa bên bán điện và bên mua điện, hợp đồng bán buôn điện và hợp đồng dịch vụ phụ trợ hệ thống điện:

- a) Giá hợp đồng mua bán điện; giá bán buôn điện; giá dịch vụ phụ trợ;
- b) Sản lượng điện hợp đồng;
- c) Lập hoá đơn, tiền điện thanh toán và thời hạn thanh toán;
- d) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- đ) Quy định về áp dụng theo pháp luật Việt Nam;

e) Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Trường hợp bên bán điện có nhà đầu tư quốc tế, bên bán điện và bên mua điện có thể thỏa thuận bổ sung hợp đồng với ngôn ngữ sử dụng bằng tiếng Anh.

g) Các nội dung khác do hai bên thỏa thuận.

2. Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định các nội dung chính của hợp đồng mua bán điện giữa bên bán điện và bên mua điện, hợp đồng bán buôn điện, hợp đồng dịch vụ phụ trợ hệ thống điện phù hợp với cấp độ phát triển thị trường điện cạnh tranh.

Bên bán điện và bên mua điện có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại hợp đồng mua bán điện cho phù hợp với quy định từng cấp độ thị trường điện cạnh tranh.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra:

a) Giá hợp đồng mua bán điện theo đề nghị của bên bán điện và bên mua điện, phù hợp với phương pháp xác định giá hợp đồng mua bán điện do Bộ Công Thương quy định;

b) Giá bán buôn điện theo đề nghị của bên bán điện và bên mua điện, phù hợp với phương pháp xác định giá bán buôn điện do Bộ Công Thương quy định.

4. Trường hợp tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án nhà máy điện, hợp đồng mua bán điện được thỏa thuận ký kết thông qua đấu thầu trên cơ sở các nội dung chính của hợp đồng mua bán điện do Bộ Công Thương quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 64. Mua bán điện giữa đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện

1. Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt phải có các nội dung cơ bản sau:

- a) Thông tin của các bên trong hợp đồng bao gồm: tên, địa chỉ, số điện

thoại, phương thức liên hệ khác (nếu có);

b) Tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ và địa chỉ sử dụng điện;

c) Giá điện, phương thức và thời hạn thanh toán;

d) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

đ) Trách nhiệm bảo vệ thông tin của bên mua điện;

e) Trường hợp chấm dứt thực hiện hợp đồng và trách nhiệm phát sinh do chấm dứt thực hiện hợp đồng;

g) Trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật về dân sự;

h) Phương thức giải quyết tranh chấp;

i) Thời điểm giao kết hợp đồng, thời hạn của hợp đồng;

k) Thỏa thuận phạt vi phạm;

l) Các nội dung khác do hai bên thỏa thuận.

2. Điều kiện ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt:

a) Bên mua điện phải có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, có đề nghị mua điện và thông tin về cư trú của hộ gia đình tại địa điểm mua điện hoặc giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quản lý, sử dụng địa điểm mua điện;

b) Bên bán điện có lưới điện phân phối đủ khả năng cung cấp điện đáp ứng nhu cầu của bên mua điện.

3. Nội dung của hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích ngoài sinh hoạt do các bên thỏa thuận. Trường hợp khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ trung bình tháng lớn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của các bên.

4. Hình thức hợp đồng có thể bằng văn bản giấy hoặc hình thức thông điệp dữ liệu.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 65. Hợp đồng kỳ hạn điện

1. Nội dung chính của Hợp đồng kỳ hạn điện:

a) Sản lượng điện cam kết trong hợp đồng kỳ hạn điện được xác định trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất giữa bên mua điện và bên bán điện;

b) Giá mua bán điện trong hợp đồng kỳ hạn điện được xác định trên cơ sở đàm phán, thỏa thuận giữa bên mua điện và bên bán điện;

c) Giá tham chiếu trong hợp đồng kỳ hạn điện là giá thị trường điện giao ngay do Đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện tính toán và công bố;

d) Bên mua điện và bên bán điện có nghĩa vụ thanh toán khoản chênh lệch giữa giá mua bán điện và giá tham chiếu trong hợp đồng kỳ hạn điện đối với sản lượng điện cam kết;

đ) Các nội dung khác trong hợp đồng kỳ hạn điện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Cơ chế thuế giá trị gia tăng đối với Hợp đồng kỳ hạn điện áp dụng theo quy định pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Điều 66. Mua bán điện với nước ngoài

1. Việc mua bán điện với nước ngoài bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, lợi ích của Nhà nước và lợi ích của khách hàng sử dụng điện và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

2. Chính phủ quy định về cơ chế giá điện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục mua bán điện với nước ngoài.

3. Bộ Công Thương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược mua bán điện với nước ngoài phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội theo từng thời kỳ.

Điều 67. Mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện

1. Các trường hợp mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện bao gồm:

- a) Mua bán điện thông qua đường dây tư nhân kết nối trực tiếp;
- b) Mua bán điện thông qua lưới điện quốc gia.

2. Việc mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

- a) Tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật về quy hoạch, cấp phép hoạt động điện lực, hoạt động mua bán điện và các hoạt động khác có liên quan;
- b) Phù hợp với các cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh.

3. Chính phủ quy định chi tiết về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện và khách hàng sử dụng điện lớn, trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các bên liên quan khi tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp.

Điều 68. Thanh toán tiền điện trong hợp đồng mua bán điện đối với khách hàng sử dụng điện

1. Thanh toán tiền điện theo hợp đồng mua bán điện đối với khách hàng sử dụng điện phục vụ mục đích sinh hoạt:

a) Tiền điện được thanh toán theo phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện; Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho bên bán điện tương ứng với thời gian chậm trả;

b) Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán. Trường hợp lãi suất chậm trả vượt quá mức lãi suất theo quy định tại điểm này thì bên mua điện không phải trả phần lãi suất vượt quá;

c) Bên bán điện thu thừa tiền điện phải hoàn trả cho bên mua điện, kể cả tiền lãi của khoản tiền thừa;

d) Lãi suất thu thừa được xác định theo quy định tại điểm b khoản này;

đ) Bên bán điện ghi chỉ số đo điện năng điện mỗi tháng một lần vào ngày ấn định, trừ trường hợp bất khả kháng có nguy cơ mất an toàn cho người lao động quy định trong hợp đồng mua bán điện. Cho phép dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số đo điện năng trước hoặc sau một ngày so với ngày ấn định hoặc dịch chuyển theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

2. Thanh toán tiền điện theo hợp đồng mua bán điện đối với khách hàng sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt thực hiện theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Trường hợp các bên chậm trả hoặc thu thừa thì có nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất theo quy định pháp luật về dân sự.

3. Bên mua điện có quyền yêu cầu bên bán điện xem xét lại số tiền điện phải thanh toán theo một trong các hình thức sau: Trực tiếp tại đơn vị bán điện; dịch vụ bưu chính; phương tiện điện tử hoặc các hình thức khác do các bên thỏa thuận. Khi nhận được yêu cầu của bên mua điện, bên bán điện có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không đồng ý với cách giải quyết của bên bán điện, bên mua điện có thể đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức việc hoà giải theo quy định tại khoản 8 Điều này.

Trường hợp không đề nghị hoà giải hoặc hoà giải không thành, bên mua điện có quyền khởi kiện tại Toà án theo quy định.

Trong thời gian yêu cầu của bên mua điện chưa được giải quyết, bên mua điện vẫn phải thanh toán tiền điện; bên bán điện không được ngừng cấp điện.

4. Bên mua điện không trả tiền điện theo quy định và đã được bên bán điện thông báo hai lần thì bên bán điện có quyền ngừng cấp điện. Thời điểm bên bán điện có quyền ngừng cấp điện do hai bên tự thỏa thuận và ghi rõ trong hợp đồng mua bán điện nhưng không vượt quá 15 ngày kể từ ngày bên bán điện có thông báo đầu tiên. Bên bán điện phải thông báo thời điểm ngừng cấp điện cho bên mua điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Sau khi bên mua điện thanh toán tiền điện và thực hiện đầy đủ thủ tục đề nghị cấp điện trở lại theo quy định pháp luật về điện lực (bao gồm cả chi phí cấp điện trở lại) thì bên bán điện phải thực hiện cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực.

5. Thanh toán tiền điện thủy lợi:

a) Thời hạn thanh toán tiền điện do các đơn vị khai thác công trình thủy lợi sử dụng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi, không quá 120 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên bán điện về thanh toán tiền điện phát sinh trong tháng;

b) Kinh phí hỗ trợ tiền điện phục vụ bơm nước chống úng, chống hạn vượt

định mức theo quy định của Luật Thủy lợi.

6. Hóa đơn thanh toán tiền điện được lập theo chu kỳ ghi chỉ số đo điện năng. Hình thức thông báo thanh toán tiền điện do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

7. Việc xác định tiền điện thanh toán trong các trường hợp thiết bị đo đếm điện không chính xác so với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định, bên mua điện sử dụng điện trong thời gian hệ thống thiết bị đo đếm điện bị hư hỏng làm cho công tơ điện ngừng hoạt động và bên mua điện sử dụng điện trong thời gian công tơ điện bị mất theo quy định của Bộ Công Thương.

8. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức việc hòa giải tranh chấp về thanh toán tiền điện do hai bên thỏa thuận. Trình tự, thủ tục hòa giải được thực hiện theo quy định của Luật Hòa giải cơ sở và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Điều 69. Ngừng, giảm mức cung cấp điện đối với khách hàng sử dụng điện

1. Việc ngừng, giảm mức cung cấp điện đối với khách hàng sử dụng điện phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng mua bán điện đã ký. Bên mua điện và bên bán điện phải thỏa thuận, thống nhất các trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện và hình thức thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hợp đồng mua bán điện.

2. Các trường hợp ngừng, giảm cung cấp điện:

a) Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện, bên bán điện được phép ngừng, giảm mức cung cấp và phải thông báo sớm nhất nhưng không chậm hơn 24h kể từ khi ngừng, giảm mức cung cấp điện cho bên mua điện về tình trạng cấp điện và thời gian dự kiến cấp điện trở lại;

b) Khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc các nhu cầu khác theo kế hoạch, bên bán điện có trách nhiệm thông báo cho bên mua điện biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày bằng hình thức thông báo được thống nhất trong hợp đồng mua bán điện;

c) Không thanh toán tiền điện theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật này;

d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật Điện lực hoặc vi phạm quy định của Luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của Luật đó.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện tại khoản 2 Điều này; phương pháp xác định chi phí ngừng, cấp điện trở lại.

Điều 70. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phát điện

1. Đơn vị phát điện có các quyền sau đây:

- a) Bán điện cho bên mua điện theo hợp đồng mua bán điện;
- b) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động phát điện;
- c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị phát điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm vận hành các tổ máy và các thiết bị trong nhà máy an toàn, ổn định, tin cậy, chuẩn bị đầy đủ nhiên liệu để đáp ứng các phương thức vận hành, yêu cầu vận hành của hệ thống điện nhằm đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục;

b) Phải ngừng hoặc giảm mức phát điện nếu không có giải pháp khác trong trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn của trang thiết bị;

c) Thông báo ngay cho đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi có sự cố về phát điện;

d) Đầu tư trạm điện, công tơ và đường dây dẫn điện đến công tơ cho bên mua, trừ trường hợp có thoả thuận khác với đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện hoặc bên mua điện bảo đảm quyền lợi giữa các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị truyền tải điện

1. Đơn vị truyền tải điện có các quyền sau đây:

- a) Xây dựng và trình duyệt giá truyền tải điện;
- b) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động truyền tải điện;

c) Đầu nối vào lưới điện truyền tải do các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng khi đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn kỹ thuật;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị truyền tải điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm cung cấp dịch vụ truyền tải và các dịch vụ phụ trợ cho các bên có liên quan, trừ trường hợp lưới điện truyền tải bị quá tải theo xác nhận của Bộ Công Thương;

b) Trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn của trang thiết bị phải ngừng hoặc yêu cầu đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia giảm mức truyền tải điện nếu không có giải pháp khác;

c) Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển lưới điện truyền tải và thực hiện đầu tư phát triển lưới điện truyền tải đáp ứng nhu cầu truyền tải điện theo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; đầu tư thiết bị đo đếm điện và các thiết bị phụ trợ, trừ trường hợp có thoả thuận khác với đơn vị phát điện, đơn vị phân

phối điện hoặc khách hàng sử dụng điện bảo đảm quyền lợi giữa các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật;

d) Thông báo ngay cho đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi có sự cố về lưới điện truyền tải;

đ) Bảo đảm quyền đấu nối của các tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực vào lưới điện truyền tải được giao quản lý vận hành, do mình đầu tư xây dựng; trường hợp từ chối đấu nối thì thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương;

e) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phân phối điện

1. Đơn vị phân phối điện có các quyền sau đây:

a) Xây dựng và trình duyệt giá phân phối điện;

b) Được vào khu vực quản lý của bên mua điện để thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của đơn vị phân phối điện;

c) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động phân phối điện;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị phân phối điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm cung cấp dịch vụ phân phối điện cho khách hàng sử dụng điện, đơn vị bán lẻ điện, đơn vị bán buôn điện đáp ứng các tiêu chuẩn về kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn theo hợp đồng, trừ trường hợp lưới điện phân phối bị quá tải theo xác nhận của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực điện lực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển lưới điện phân phối và thực hiện đầu tư phát triển lưới điện phân phối đáp ứng nhu cầu điện theo quy hoạch phát triển điện lực; đầu tư công tơ và đường dây dẫn điện đến công tơ cho bên mua điện, trừ trường hợp có thoả thuận khác với bên mua điện trên cơ sở bảo đảm quyền lợi giữa các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các phương thức vận hành theo yêu cầu của các cấp điều độ có quyền điều khiển, thực hiện điều chỉnh phụ tải, ngừng, giảm cung cấp điện theo quy định để bảo đảm hệ thống điện vận hành an toàn, liên tục;

d) Trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn của trang thiết bị phải ngừng hoặc giảm mức phân phối điện nếu không có giải pháp khác;

đ) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 73. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán buôn điện

1. Đơn vị bán buôn điện có các quyền sau đây:

- a) Mua điện trực tiếp của bên bán điện theo hợp đồng mua buôn điện;
- b) Sử dụng dịch vụ truyền tải, phân phối điện, dịch vụ điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ của thị trường điện lực;
- c) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán buôn điện;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị bán buôn điện có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Bán điện theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;
- b) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên mua hoặc bên bán điện theo quy định của pháp luật;
- c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán lẻ điện

1. Đơn vị bán lẻ điện có các quyền sau đây:

- a) Mua điện trực tiếp của bên bán điện theo hợp đồng mua buôn điện;
- b) Sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện, dịch vụ điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ của thị trường điện lực;
- c) Được vào khu vực quản lý của bên mua điện để kiểm tra, ghi chỉ số đo điện năng, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và thay thế hệ thống đo đếm điện, trang thiết bị điện của đơn vị phân phối điện và liên hệ với khách hàng;
- d) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán lẻ điện;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị bán lẻ điện có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Bán điện theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;
- b) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên mua hoặc bên bán điện theo quy định của pháp luật;
- c) Cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến lượng điện bán lẻ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- d) Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng mua bán điện;
- đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 75. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện

1. Khách hàng sử dụng điện có các quyền sau đây:

- a) Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu bên bán điện kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;
- c) Được bồi thường thiệt hại do bên bán điện gây ra theo quy định của pháp luật;
- d) Yêu cầu bên bán điện kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;
- đ) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ và bên bán lẻ điện;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Khách hàng sử dụng điện có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thanh toán tất cả các khoản tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện;
- b) Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện các quy định, chương trình về quản lý nhu cầu điện để bảo đảm hệ thống điện vận hành an toàn, liên tục;
- c) Sử dụng dịch vụ truyền tải, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ của thị trường điện lực;
- d) Sử dụng điện đúng đối tượng và mục đích theo quy định về giá bán điện;
- đ) Thông báo kịp thời cho bên bán điện khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;
- e) Tạo điều kiện để bên bán điện kiểm tra, sửa chữa, ghi chỉ số đo điện năng, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và thay thế hệ thống đo đếm điện, trang thiết bị điện của đơn vị phân phối điện và liên hệ với khách hàng;
- g) Chịu trách nhiệm đầu tư dây dẫn, các thiết bị, dụng cụ điện sử dụng điện sau công tơ bảo đảm chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy chữa cháy, được kiểm định theo quy định pháp luật;
- h) Chịu trách nhiệm thiết kế hệ thống điện trong công trình thuộc phạm vi quản lý đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định pháp luật;
- i) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên bán điện theo quy định của pháp luật;
- k) Bảo vệ công tơ điện đặt trong phạm vi quản lý của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện; không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của bên bán điện và phải chịu chi phí di chuyển;
- l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện lớn

1. Khách hàng sử dụng điện lớn có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 75

của Luật này và được sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện theo quy định tại Hợp đồng ký với đơn vị truyền tải điện, phân phối điện.

2. Khách hàng sử dụng điện lớn có các nghĩa vụ sau đây:

a) Có các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật này;

b) Thực hiện chế độ sử dụng điện theo yêu cầu của cấp điều độ có quyền điều khiển, biện pháp bảo đảm tiêu chuẩn điện năng, an toàn điện và nội dung khác đã được thoả thuận trong hợp đồng mua bán điện, truyền tải điện, phân phối điện.

Mục 3

GIÁ ĐIỆN VÀ GIÁ CÁC DỊCH VỤ VỀ ĐIỆN

Điều 77. Các loại giá điện và dịch vụ về điện

1. Giá bán lẻ điện:

a) Giá bán lẻ điện do đơn vị bán lẻ điện xây dựng căn cứ chính sách giá điện, khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

b) Giá bán lẻ điện được quy định chi tiết cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng thời kỳ và cấp độ phát triển thị trường điện, bao gồm: sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, sinh hoạt. Giá bán lẻ điện theo thời gian sử dụng điện trong ngày được áp dụng đối với khách hàng sử dụng điện đủ điều kiện, bao gồm giá bán lẻ điện giờ cao điểm, thấp điểm và bình thường. Đối với nhóm khách hàng sinh hoạt, giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang tăng dần đối với nhóm khách hàng chưa đủ điều kiện tham gia hoặc không tham gia mua bán điện trên thị trường điện;

c) Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và khung giá bán lẻ điện bình quân;

d) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện bình quân và khung giá bán lẻ điện bình quân trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền;

đ) Bộ Công Thương nghiên cứu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt lộ trình cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, bao gồm giá bán lẻ điện có nhiều thành phần áp dụng cho các nhóm khách hàng khi điều kiện kỹ thuật cho phép; cơ chế giá điện khuyến khích để áp dụng cho khách hàng tham gia vào chương trình quản lý nhu cầu điện; cơ chế giá điện phù hợp cho các nhóm khách hàng sử dụng điện có mức tiêu thụ điện cao, phát thải cao và cho các khách hàng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, trạm sạc điện phục vụ phương tiện giao thông xanh; giá bán lẻ điện cho cơ sở lưu trú du lịch ngang bằng với giá bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện mục đích sản xuất.

2. Giá bán buôn điện

a) Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành phương pháp lập khung giá bán buôn điện; trình tự, thủ tục phê duyệt khung giá bán buôn điện do đơn vị điện lực có liên quan xây dựng;

b) Giá bán buôn điện do các đơn vị điện lực thỏa thuận nhưng không được vượt quá khung giá bán buôn điện đã được phê duyệt. Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành phương pháp xác định giá bán buôn điện; trình tự, thủ tục kiểm tra giá bán buôn điện;

c) Trường hợp chưa thỏa thuận được về giá bán buôn điện, bên bán điện và bên mua điện có quyền thỏa thuận mức giá tạm thời để áp dụng cho đến khi thỏa thuận được mức giá chính thức.

3. Giá dịch vụ phát điện

Trừ nhà máy điện đầu tư theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà máy điện do nhà nước độc quyền xây dựng và vận hành và nhà máy điện phối hợp vận hành với nhà máy điện do nhà nước độc quyền đầu tư xây dựng và vận hành theo Điều 5 Luật này và nhà máy thủy điện nhỏ, giá dịch vụ phát điện được quy định như sau:

a) Giá hợp đồng mua bán điện bao gồm thành phần giá cố định bình quân, giá vận hành và bảo dưỡng và thành phần giá biến đổi điều chỉnh theo biến động của chi phí nhiên liệu sản xuất điện. Giá cố định bình quân được xác định bình quân theo đời sống kinh tế dự án để bên bán điện thu hồi chi phí đầu tư. Bên bán điện và bên mua điện có quyền ký kết hợp đồng mua bán điện với giá cố định từng năm hợp đồng mua bán điện trên cơ sở đảm bảo giá cố định bình quân không thay đổi.

Trường hợp bán điện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp từ sân phân phối điện của nhà máy điện hoặc một số nhà máy điện để tải công suất của một số nhà máy điện đến điểm đầu nối của bên mua điện và chi phí này chưa được tính toán trong giá hợp đồng mua bán điện, bên bán điện và bên mua điện có quyền thỏa thuận thu hồi chi phí xây dựng, quản lý, vận hành và bảo dưỡng theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành phương pháp xác định giá hợp đồng mua bán điện; trình tự, thủ tục kiểm tra hợp đồng mua bán điện;

b) Giá hợp đồng mua bán điện do các đơn vị điện lực thỏa thuận tại hợp đồng mua bán điện nhưng không được vượt quá khung giá phát điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành phương pháp lập khung giá phát điện; trình tự, thủ tục phê duyệt khung giá phát điện do đơn vị điện lực có liên quan xây dựng;

c) Trường hợp chưa thỏa thuận được giá hợp đồng mua bán điện, bên bán điện và bên mua điện có quyền thỏa thuận mức giá tạm thời để áp dụng cho đến

khi thỏa thuận được mức giá chính thức nhưng không được vượt quá khung giá phát điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt;

d) Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành phương pháp lập khung giá phát điện; trình tự, thủ tục phê duyệt khung giá phát điện do đơn vị điện lực có liên quan xây dựng và ban hành phương pháp xác định giá hợp đồng mua bán điện; trình tự, thủ tục kiểm tra hợp đồng mua bán điện;

đ) Trường hợp tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án nhà máy điện, giá hợp đồng mua bán điện được xác định thông qua đấu thầu nhưng không được vượt quá khung giá phát điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

4. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định chi phí phát điện của nhà máy điện do nhà nước độc quyền đầu tư xây dựng và vận hành và nhà máy điện phối hợp vận hành với nhà máy điện do nhà nước độc quyền đầu tư xây dựng và vận hành theo Điều 5 Luật này trong giai đoạn chưa tham gia thị trường điện cạnh tranh và biểu giá chi phí tránh được áp dụng cho nhà máy thủy điện nhỏ.

5. Giá các dịch vụ về điện khác:

a) Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành phương pháp xác định và trình tự, thủ tục phê duyệt giá truyền tải điện, giá phân phối điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, giá điều độ vận hành hệ thống điện và giá điều hành giao dịch thị trường điện lực phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực;

b) Giá truyền tải điện, giá phân phối điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, giá điều độ vận hành hệ thống điện và giá điều hành giao dịch thị trường điện lực do đơn vị điện lực có liên quan xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

Điều 78. Căn cứ lập, điều chỉnh giá điện và giá các dịch vụ về điện

1. Căn cứ lập giá điện

- a) Chính sách giá điện;
- b) Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- c) Quan hệ cung cầu về điện;
- d) Các chi phí sản xuất, kinh doanh điện hợp lý và tỷ suất lợi nhuận hợp lý của đơn vị điện lực;
- đ) Cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh;
- e) Báo cáo tài chính, dữ liệu chi phí sản xuất kinh doanh điện của đơn vị điện lực đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán.

2. Căn cứ điều chỉnh giá bán lẻ điện

Giá bán lẻ điện phản ánh kịp thời biến động thực tế thông số đầu vào, bù đắp các chi phí và lợi nhuận hợp lý để bảo toàn, phát triển vốn kinh doanh của doanh nghiệp; được điều chỉnh ít nhất một lần trong thời gian 03 tháng kể từ lần điều chỉnh gần nhất.

3. Căn cứ điều chỉnh giá dịch vụ phát điện

- a) Thay đổi về chính sách, pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích hợp pháp của bên bán điện hoặc bên mua điện;
- b) Thực hiện kết luận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c) Bên bán điện được giao đầu tư nâng cấp, cải tạo các hạng mục đường dây và trạm biến áp theo quy hoạch;
- d) Các nhà máy điện đang vận hành phải đầu tư cải tạo, nâng cấp thiết bị; xử lý tro, xỉ để đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Điều 79. Giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo

1. Giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực nối lưới điện quốc gia được thực hiện theo quy định tại Điều 77 của Luật này.
2. Bộ Công Thương chủ trì, xây dựng giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia, phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

Chương VI

VẬN HÀNH, ĐIỀU ĐỘ HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA

Điều 80. Nguyên tắc vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia

1. Nguyên tắc vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia:
 - a) Bảo đảm an toàn, ổn định, chất lượng và tin cậy;
 - b) Bảo đảm các ràng buộc kỹ thuật của hệ thống điện;
 - c) Bảo đảm các yêu cầu về phòng, chống lũ, tưới tiêu và duy trì dòng chảy tối thiểu và cấp nước hạ du theo quy định;
 - d) Bảo đảm thực hiện các thỏa thuận về sản lượng điện và công suất trong Hợp đồng mua bán điện, xuất, nhập khẩu điện; các ràng buộc tiêu thụ nhiên liệu sơ cấp cho phát điện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
 - đ) Bảo đảm nguyên tắc tối ưu kinh tế - kỹ thuật hệ thống điện.
2. Hệ thống điện quốc gia được chỉ huy thống nhất bởi Đơn vị Điều độ hệ thống điện quốc gia, không phân biệt đối xử trong việc huy động công suất, điện năng của các loại hình nguồn điện.
3. Các đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong phạm vi quản lý để bảo đảm vận hành an toàn và giảm thiểu khả năng xảy ra sự cố, phối hợp với các đơn vị liên quan trong vận hành để đảm bảo hệ thống điện vận hành an toàn, ổn định.
4. Nguyên tắc vận hành, điều độ, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương.
5. Trong trường hợp tình huống khẩn cấp hoặc bất thường đe dọa nghiêm

trọng đến sự vận hành an toàn, tin cậy của hệ thống điện quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc vận hành, huy động các nhà máy điện nhằm đảm bảo an ninh cung cấp điện.

Điều 81. Hệ thống truyền tải điện

Trang thiết bị điện, lưới điện đấu nối vào lưới điện truyền tải phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống truyền tải điện, đấu nối lưới điện truyền tải. Yêu cầu kỹ thuật, đấu nối và vận hành hệ thống truyền tải điện thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương.

Điều 82. Hệ thống phân phối điện

Trang thiết bị điện, lưới điện đấu nối vào lưới điện phân phối phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống phân phối điện, đấu nối lưới điện phân phối. Yêu cầu kỹ thuật, đấu nối và vận hành hệ thống phân phối điện thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương.

Điều 83. Quản lý nhu cầu điện

1. Quản lý nhu cầu điện là những hoạt động khuyến khích, hướng dẫn việc thay đổi phương thức sử dụng điện; chống lãng phí, giảm tổn thất điện năng; giảm phụ tải đỉnh, giảm chênh lệch phụ tải giữa giờ cao điểm và thấp điểm.

2. Các đơn vị điện lực có trách nhiệm nghiên cứu phụ tải, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình quản lý nhu cầu điện để tối ưu vận hành hệ thống điện.

3. Khách hàng sử dụng điện có trách nhiệm tham gia chương trình quản lý nhu cầu điện để tối ưu vận hành hệ thống điện, giảm chênh lệch công suất giữa giờ cao điểm và giờ thấp điểm của biểu đồ phụ tải hệ thống điện.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định các biện pháp quản lý nhu cầu điện và trách nhiệm tham gia chương trình quản lý nhu cầu điện phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

5. Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết trình tự thực hiện chương trình quản lý nhu cầu điện.

Điều 84. Liên kết lưới điện với nước ngoài

1. Liên kết lưới điện với nước ngoài phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật này.

2. Trường hợp liên kết lưới điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm an toàn, tin cậy và tính ổn định trong vận hành hệ thống điện quốc gia;

b) Đáp ứng các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật, quy trình, quy chuẩn kỹ thuật quản lý vận hành hệ thống điện quốc gia.

3. Trường hợp một phần lưới điện tách ra khỏi hệ thống điện quốc gia để liên kết với lưới điện nước ngoài thực hiện theo thỏa thuận của các bên tham gia

liên kết lưới điện nhưng phải bảo đảm đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật quản lý vận hành hệ thống điện quốc gia.

4. Liên kết lưới điện với nước ngoài không thông qua hệ thống điện quốc gia thực hiện theo thỏa thuận của các bên tham gia liên kết lưới điện.

Điều 85. Tiết kiệm trong phát điện

1. Đơn vị phát điện có trách nhiệm lựa chọn công nghệ phát điện tiên tiến, thân thiện với môi trường, có hiệu suất cao, quản lý và thực hiện phương thức vận hành tối ưu thiết bị phát điện để tiết kiệm nhiên liệu và các nguồn năng lượng dùng phát điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và bảo vệ môi trường.

2. Hệ thống điện tự dùng trong nhà máy phát điện phải được thiết kế, lắp đặt hợp lý và phải bố trí sử dụng trong quá trình vận hành phù hợp với yêu cầu tiết kiệm điện tự dùng.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định định mức tiêu hao điện tự dùng cho các loại nhà máy điện.

Điều 86. Tiết kiệm trong truyền tải, phân phối điện

Hệ thống đường dây tải điện, phân phối điện và trạm điện phải bảo đảm các thông số và tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật tiên tiến, được vận hành với phương thức tối ưu nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp điện ổn định, an toàn, liên tục và xét đến hiệu quả kinh tế của các giải pháp giảm tổn thất điện năng.

Điều 87. Tiết kiệm trong sử dụng điện

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng điện cho sản xuất có trách nhiệm:

a) Cải tiến, hợp lý hóa quy trình sản xuất, áp dụng công nghệ và trang thiết bị sử dụng điện có suất tiêu hao điện năng thấp để tiết kiệm điện;

b) Bảo đảm hệ số công suất theo tiêu chuẩn kỹ thuật và hạn chế tối đa việc sử dụng non tải thiết bị điện.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu trang thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm các chỉ tiêu tiêu hao điện năng tiên tiến nhằm giảm chi phí điện năng, góp phần thực hiện tiết kiệm điện.

3. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm ban hành quy chế sử dụng tiết kiệm điện trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình.

Điều 88. Đo đếm điện

1. Bên bán điện, đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt và quản lý toàn bộ các thiết bị đo đếm điện, thiết bị phụ trợ cho việc đo đếm điện, hệ thống thu thập và quản lý số liệu đo đếm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bảo đảm quyền lợi giữa các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật.

2. Thiết bị đo đếm điện phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường và được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đo lường.

3. Vị trí lắp đặt công tơ đo đếm điện năng phải bảo đảm an toàn, mỹ quan, thuận lợi cho bên mua điện kiểm tra chỉ số đo điện năng và bên bán điện ghi chỉ số đo điện năng.

4. Bên sở hữu thiết bị đo đếm có trách nhiệm tổ chức việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị đo đếm điện theo đúng yêu cầu và thời hạn quy định của pháp luật về đo lường.

5. Khi có nghi ngờ thiết bị đo đếm điện không chính xác, bên mua điện có quyền yêu cầu bên bán điện kiểm tra; bên bán điện có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế; đối với trường hợp bán lẻ điện, bên bán điện phải hoàn thành kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế trong thời hạn ba ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mua điện. Trường hợp không đồng ý với kết quả kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế của bên bán điện, bên mua điện có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện tại địa phương tổ chức kiểm định. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của bên mua điện, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện tại địa phương có trách nhiệm tổ chức việc kiểm định. Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định thiết bị đo đếm điện đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường thì bên mua điện phải trả chi phí kiểm định. Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định thiết bị đo đếm điện không đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường thì bên bán điện phải trả chi phí kiểm định, đồng thời thực hiện việc truy thu hoặc thoái hoàn điện năng theo hợp đồng mua bán điện đã ký và theo quy định của pháp luật.

Điều 89. Bảo đảm chất lượng điện năng

1. Đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện phải bảo đảm điện áp, tần số dòng điện theo yêu cầu kỹ thuật do Bộ Công Thương ban hành, công suất, điện năng và thời gian cung cấp điện theo hợp đồng. Trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn điện áp, tần số dòng điện, công suất, điện năng và thời gian cung cấp điện theo hợp đồng đã ký mà gây thiệt hại cho bên mua điện thì bên bán điện phải bồi thường cho bên mua điện theo quy định của pháp luật.

2. Bên mua điện có trách nhiệm bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện của mình hoạt động an toàn để không gây ra sự cố cho hệ thống điện, không làm ảnh hưởng đến chất lượng điện áp, tần số của lưới điện.

Điều 90. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia

1. Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia có các quyền sau đây:

a) Chỉ huy, điều khiển các đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện thực hiện phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia;

b) Chỉ huy xử lý các tình huống khẩn cấp hoặc bất thường trong hệ thống điện quốc gia; huy động công suất, điện năng của các nhà máy điện trong hệ thống điện quốc gia; chỉ huy việc thao tác lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối; ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện trong trường hợp có nguy cơ đe dọa đến sự vận hành an toàn, tin cậy của hệ thống điện quốc gia;

c) Được điều chỉnh kế hoạch, phương thức huy động công suất các nhà máy điện trong tình huống khẩn cấp hoặc bất thường trong hệ thống điện quốc gia để đảm bảo vận hành hệ thống điện quốc gia an toàn, ổn định;

d) Xây dựng và trình duyệt giá điều độ vận hành hệ thống điện;

đ) Yêu cầu các đơn vị điện lực có liên quan cung cấp thông tin về đặc tính kỹ thuật, khả năng sẵn sàng tham gia vận hành và mang tải của các trang thiết bị phát điện, truyền tải điện và phân phối điện; nhu cầu sử dụng điện của khách hàng để xác định phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia;

e) Đánh giá cân đối cung cầu hệ thống điện.

2. Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia có các nghĩa vụ sau đây:

a) Vận hành hệ thống điện quốc gia nhằm bảo đảm an toàn, ổn định, kinh tế;

b) Tuân thủ các quy định về điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia, hệ thống truyền tải điện, hệ thống phân phối điện do Bộ Công Thương ban hành và các hướng dẫn của cơ quan điều tiết điện lực;

c) Lập và trình Bộ Công Thương phê duyệt phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia hàng năm; Lập, phê duyệt và thực hiện phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia trên cơ sở do Bộ Công Thương phê duyệt;

d) Thông báo số lượng công suất, điện năng và các dịch vụ phụ trợ đã được huy động cho đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực;

đ) Báo cáo kịp thời với cơ quan điều tiết điện lực và thông báo cho đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực về những tình huống khẩn cấp hoặc bất thường đe dọa nghiêm trọng đến sự vận hành an toàn, tin cậy của hệ thống điện quốc gia.

Điều 91. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực trong vận hành

1. Các đơn vị điện lực có các quyền sau đây:

a) Đấu nối vào hệ thống điện quốc gia khi đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn kỹ thuật;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan.

2. Các đơn vị điện lực có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm lưới điện và các trang thiết bị thuộc phạm vi quản lý vận hành an toàn, ổn định, tin cậy;

b) Tuân thủ các quy định về vận hành hệ thống điện;

c) Tuân thủ phương thức vận hành, lệnh chỉ huy, điều khiển của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia;

d) Báo cáo các thông tin liên quan đến về khả năng sẵn sàng, độ dự phòng của các trang thiết bị, các thông tin liên quan theo yêu cầu của đơn vị điều độ hệ

thống điện quốc gia, đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực, cơ quan điều tiết điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 92. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng khi đấu nối vào lưới điện

1. Khách hàng sử dụng điện có các quyền sau đây:

- a) Được đấu nối trực tiếp vào hệ thống điện quốc gia theo quy định;
- b) Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;
- c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin liên quan đến việc mua bán điện và hướng dẫn về an toàn điện;
- d) Yêu cầu bên bán điện kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, mức độ chính xác của thiết bị đo đếm điện.

2. Khách hàng sử dụng điện có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Bảo đảm trang thiết bị sử dụng điện, trang thiết bị đấu nối đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện;
- b) Thực hiện các lệnh thao tác của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia;
- c) Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả;
- d) Thông báo kịp thời cho bên bán điện khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản.

Chương VII

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC VÀ AN TOÀN TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN

Mục 1

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC

Điều 93. Trách nhiệm bảo vệ công trình điện lực

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình điện lực và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời với đơn vị điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện các nguy cơ, hiện tượng mất an toàn đối với công trình điện lực, các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện.
3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình điện lực.
4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 94. Trách nhiệm phối hợp thực hiện khi xây dựng, cải tạo, mở rộng công trình điện lực và các công trình khác

1. Khi xây dựng, cải tạo hoặc mở rộng công trình xây dựng có khả năng

ảnh hưởng đến an toàn của trang thiết bị điện, công trình điện lực, chủ đầu tư công trình xây dựng phải có biện pháp đảm bảo an toàn đối với trang thiết bị điện, công trình điện lực. Trường hợp xây dựng, cải tạo hoặc mở rộng công trình xây dựng gây sự cố mất an toàn cho trang thiết bị điện, công trình điện lực thì chủ đầu tư xây dựng công trình phải bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

2. Khi xây dựng, sửa chữa, cải tạo, lắp đặt trang thiết bị điện, công trình điện lực, đơn vị điện lực và đơn vị thi công xây dựng có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng, phòng cháy, chữa cháy và an toàn điện. Trường hợp gây ảnh hưởng đến công trình và hoạt động sử dụng đất hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác thì phải thực hiện hỗ trợ, bồi thường theo quy định pháp luật.

3. Đơn vị quản lý, vận hành công trình điện lực có trách nhiệm phối hợp triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho trang thiết bị điện, công trình điện lực khi có yêu cầu của chủ đầu tư công trình xây dựng.

Điều 95. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực là vùng xung quanh công trình điện lực cần có biện pháp bảo vệ để bảo đảm an toàn cho con người và công trình điện lực, được xác định trên không, trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước tùy thuộc từng loại công trình điện lực.

2. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực bao gồm:

- a) Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không;
- b) Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm;
- c) Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện;
- d) Hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện.

3. Đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực được tiếp tục sử dụng theo đúng mục đích đã được xác định và theo quy định của pháp luật; việc sử dụng đất không được gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình điện lực.

Trường hợp việc sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực gây ảnh hưởng đến an toàn công trình điện lực thì người sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục, nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường theo quy định của pháp luật.

Việc bồi thường khi thu hồi đất hoặc hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực được thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai.

4. Các hoạt động trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật về an toàn điện.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 96. Bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

1. Chủ sở hữu hoặc người sử dụng nhà ở, công trình đã được phép tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không không được sử dụng mái hoặc bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình vào những mục đích có thể vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp và phải tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không khi sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình.

2. Trước khi cấp phép cho tổ chức, cá nhân xây dựng mới hoặc coi nới, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, cơ quan cấp phép phải yêu cầu chủ đầu tư xây dựng nhà ở, công trình phải có văn bản thỏa thuận với đơn vị quản lý lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn đường dây dẫn điện trên không và an toàn trong quá trình xây dựng, coi nới, cải tạo, sử dụng nhà ở, công trình này.

Trường hợp xây dựng mới hoặc coi nới, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không không thuộc đối tượng phải xin cấp phép xây dựng thì chủ đầu tư xây dựng nhà ở, công trình có trách nhiệm thỏa thuận bằng văn bản với đơn vị quản lý lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn đường dây dẫn điện trên không trước khi thực hiện.

3. Trường hợp xây dựng mới hoặc coi nới, cải tạo nhà ở, công trình ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có nguy cơ vi phạm hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, chủ đầu tư xây dựng nhà ở, công trình phải thông báo với đơn vị quản lý lưới điện, có các biện pháp bảo đảm an toàn đường dây dẫn điện trên không và an toàn trong quá trình thi công.

4. Không cho phép tồn tại nhà ở và công trình có người sinh sống, làm việc trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp từ 500 kV trở lên, trừ những công trình chuyên ngành phục vụ vận hành lưới điện đó.

5. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải bảo đảm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. Người có quyền sử dụng đất hoặc sở hữu cây trồng phải có trách nhiệm chặt, tỉa phân cây trồng vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện hoặc khi cây phát triển, ngã đổ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện. Trường hợp người có quyền sử dụng đất hoặc sở hữu cây trồng không chặt tỉa cây vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện dẫn đến gây sự cố lưới điện thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đơn vị quản lý vận hành lưới điện phối hợp khi có yêu cầu của người có quyền sử dụng đất, chủ sở hữu cây tổ chức chặt tỉa bảo đảm an toàn điện.

6. Cấm tiến hành mọi công việc trong hành lang bảo vệ đường dây dẫn điện trên không có sử dụng thiết bị, dụng cụ, phương tiện vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. Trường hợp đặc biệt, tổ chức, cá nhân thực hiện công việc áp dụng công nghệ phù hợp hoặc do yêu cầu cấp bách của công tác quốc phòng, an ninh, phải có sự thoả thuận với đơn vị quản lý công trình lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết.

7. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng hải, chiều cao tối thiểu của dây

dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái võng cực đại bằng chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng hải cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. Phương tiện khi đi qua điểm giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng hải phải bảo đảm chiều cao không vượt quá chiều cao tối thiểu của dây dẫn điện trên không quy định tại khoản này.

8. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành các công việc trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải có sự thỏa thuận với đơn vị quản lý, vận hành công trình lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn.

9. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp và thỏa thuận khi xây dựng, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không tại khoản 2 Điều này.

10. Bộ Giao thông vận tải quy định về chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng hải.

Điều 97. Bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm

1. Việc xây dựng, lắp đặt đường cáp điện ngầm trong đất, trong nước phải tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý, vận hành đường cáp điện ngầm trong đất, trong nước có trách nhiệm đặt dấu hiệu cảnh báo vị trí đường cáp điện ngầm. Dấu hiệu cảnh báo phải có kích thước, thông tin và đặt ở vị trí phù hợp để tổ chức, cá nhân nhận biết và tuân thủ các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường thủy nội địa hoặc quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng đất hợp pháp trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trong đất có trách nhiệm có biện pháp ngăn chặn các hoạt động sử dụng đất gây tác động đến đường cáp điện ngầm, xả nước thải và các chất ăn mòn khác vào khu vực hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm.

4. Khi thi công các công trình trong đất hoặc nạo vét lòng sông, lòng hồ tiếp giáp hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm, bên thi công phải thông báo trước ít nhất 10 ngày cho đơn vị quản lý công trình lưới điện và phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn đường cáp điện ngầm.

5. Việc bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trên biển phải tuân thủ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và các quy định sau:

a) Hoạt động khảo sát, đầu tư xây dựng đường cáp điện ngầm trong vùng biển Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên nhưng không được ảnh hưởng đến an toàn hàng hải trên tuyến hàng hải và luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam;

b) Chủ đầu tư đường cáp điện ngầm trên biển phải tiến hành thiết lập các

tín hiệu cảnh báo, các biện pháp bảo vệ và thực hiện thông báo hàng hải theo quy định pháp luật về hàng hải;

c) Trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trên biển, các tổ chức, cá nhân không được đánh bắt cá và các hoạt động tác động đến trầm tích đáy biển. Trong phạm vi 02 hải lý tính từ mép ngoài cùng của đường cáp điện ngầm, các tàu thuyền không có nhiệm vụ không được thả neo.

Điều 98. Bảo vệ an toàn trạm điện

1. Không được xây dựng nhà ở, công trình và trồng các loại cây khi ngã đổ vi phạm hành lang bảo vệ an toàn trạm điện; không xâm phạm đường ra vào của trạm điện.

2. Việc xây dựng nhà ở, công trình ngoài hành lang bảo vệ của trạm điện phải bảo đảm không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện. Chủ đầu tư có trách nhiệm theo quy định tại Điều 93 của Luật này.

3. Đường ra vào trạm điện phải bảo đảm cho phương tiện cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy di chuyển khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 99. Bảo vệ an toàn công trình nguồn điện

1. Đối với các công trình nguồn điện có hàng rào bảo vệ, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình nguồn điện có trách nhiệm tổ chức các biện pháp bảo đảm an toàn cho công trình nguồn điện trong phạm vi hàng rào bảo vệ.

2. Đối với công trình nguồn điện không có hàng rào bảo vệ:

a) Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình nguồn điện có trách nhiệm: công bố công khai mốc giới hành lang bảo vệ an toàn; tổ chức bảo vệ an toàn công trình nguồn điện và khu vực hành lang bảo vệ an toàn. Trường hợp đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Cây trong hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện phải bảo đảm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. Cây ngoài hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện, người sử dụng đất hoặc sở hữu cây trồng phải có trách nhiệm phối hợp tổ chức, đơn vị quản lý, vận hành công trình nguồn điện chặt, tỉa để bảo đảm khi cây ngã đổ không vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện;

c) Tổ chức, cá nhân khi tiến hành các công việc trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước trong hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện phải có sự thỏa thuận với đơn vị quản lý, vận hành công trình nguồn điện về các biện pháp bảo đảm an toàn.

3. Tổ chức, cá nhân khi triển khai các hoạt động ngoài hành lang bảo vệ an toàn đối với công trình nguồn điện có trách nhiệm triển khai các biện pháp an toàn phòng chống nguy cơ mất an toàn đối với công trình nguồn điện.

4. Bảo vệ an toàn công trình điện gió trên bờ

a) Khi thực hiện các hoạt động trong phạm vi hàng lang bảo vệ an toàn công trình điện gió, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Trong phạm vi 100 mét tính từ mép ngoài hàng lang bảo vệ an toàn công trình điện gió trở ra bên ngoài, các tổ chức, cá nhân không được phép thả điều, vật bay, trừ trường hợp vật bay của chủ đầu tư công trình điện gió phục vụ công tác bảo dưỡng, bảo trì, vận hành công trình.

5. Bảo vệ an toàn công trình điện gió ngoài khơi

a) Trong hàng lang bảo vệ an toàn công trình điện gió ngoài khơi, các tổ chức, cá nhân không được phép neo đậu tàu thuyền, đánh bắt cá và các hoạt động khác có nguy cơ gây ảnh hưởng đến công trình điện gió ngoài khơi.

b) Các hoạt động trên biển trong phạm vi 500m tính từ mép ngoài cột tháp gió ngoài khơi phải tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ thiết bị, công trình trên biển theo Luật Biển và Luật Hàng hải.”

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 100. Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị, dụng cụ điện có trách nhiệm tổ chức kiểm định thiết bị, dụng cụ điện trước khi đưa vào sử dụng và trong quá trình sử dụng bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Việc kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện phải được thực hiện bởi tổ chức kiểm định theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định; chu kỳ kiểm định; quy trình kiểm định và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện.

Mục 2

AN TOÀN ĐIỆN

Điều 101. Yêu cầu chung về an toàn điện

1. Người trực tiếp thực hiện công việc: xây lắp, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện, công trình điện lực; kiểm định thiết bị, dụng cụ điện và các công việc khác liên quan trực tiếp đến hệ thống điện phải được đào tạo, huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện.

2. Tổ chức, đơn vị quản lý, vận hành, xây lắp, sửa chữa, cải tạo công trình điện lực, kiểm định thiết bị, dụng cụ điện và các công việc khác liên quan trực tiếp đến hệ thống điện có trách nhiệm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện; tổ chức hoặc thuê đơn vị có đủ năng lực tổ chức huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện cho người lao động tại khoản 1 Điều này thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với các công trình phát điện, trạm điện, lưới điện chuẩn bị đưa vào

khai thác, sử dụng, chủ đầu tư phải bàn giao đầy đủ tài liệu thiết kế, thi công, hoàn công và các tài liệu kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật về xây dựng cho đơn vị quản lý vận hành.

4. Tại các vị trí vận hành công trình điện lực phải có đầy đủ: các quy trình vận hành thiết bị, xử lý sự cố điện; sơ đồ lưới điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; nhật ký vận hành; biển cấm, biển báo an toàn về điện và các dụng cụ, phương tiện, tài liệu liên quan khác theo quy định.

5. Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý, vận hành trạm điện có trách nhiệm thực hiện việc đo, vẽ bản đồ phân bố cường độ điện trường trên toàn bộ diện tích mặt bằng trạm điện và có biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động theo quy định.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thiết bị, dụng cụ điện phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm theo quy định của pháp luật; cung cấp cho khách hàng hướng dẫn lắp đặt, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ điện bảo đảm an toàn theo quy định.

7. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về: huấn luyện, sát hạch cấp thẻ an toàn điện; đo, vẽ bản đồ phân bố cường độ điện trường; chế độ báo cáo về tai nạn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực; biển báo an toàn về điện; xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện trong phát điện, truyền tải, phân phối điện và sử dụng điện.

Điều 102. An toàn trong phát điện

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình phát điện phải tuân thủ quy định chung về an toàn điện tại Điều 101 Luật này và các quy định sau:

a) Quy định khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện, an toàn điện;

c) Quy định về: biển báo, biển cấm, tín hiệu cảnh báo về an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy, an toàn hàng không, an toàn hàng hải;

d) Quy định về: chất lượng sản phẩm hàng hóa; kiểm định an toàn kỹ thuật đối với các thiết bị, dụng cụ điện.

đ) Có biện pháp ngăn ngừa những người không có nhiệm vụ xâm nhập trái phép vào công trình phát điện.

2. Trường hợp xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn về điện, chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý, vận hành có trách nhiệm khẩn trương áp dụng các biện pháp cứu người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm, tiến hành sơ, cấp cứu người bị nạn; tổ chức xử lý, ngăn ngừa khả năng cháy, nổ, sự cố, tai nạn tiếp tục gây tác hại nguy hiểm, giảm nhẹ thiệt hại về người, tài sản; có các biện pháp bảo đảm an toàn về điện cho các lực lượng, phương tiện được huy động tham gia xử lý vụ cháy, nổ, tai nạn, sự cố; tổ chức xác định nguyên nhân và các biện pháp khắc phục sau sự cố, tai nạn theo quy định.

Điều 103. An toàn trong truyền tải điện, phân phối điện

1. Chủ đầu tư trạm điện và công trình lưới điện phải chịu trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý, vận hành trạm điện, công trình lưới điện phải tuân thủ các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn công trình đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, luồng hàng hải và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện, an toàn điện;

b) Đặt biển báo, thiết bị cảnh báo an toàn về điện tại các trạm điện, cột điện;

c) Sơn màu và đặt đèn tín hiệu trên đỉnh cột tại các cột có độ cao và vị trí đặc biệt để bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

2. Ở các vị trí giao chéo giữa đường dây dẫn điện cao áp trên không, đường cáp điện ngầm với đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, luồng hàng hải việc đặt và quản lý biển báo, biển cấm đối với phương tiện vận tải được thực hiện theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Chủ đầu tư công trình được xây dựng sau phải chịu chi phí cho việc đặt biển báo, biển cấm.

3. Khi bàn giao công trình lưới điện, chủ đầu tư công trình phải giao cho đơn vị quản lý vận hành lưới điện các tài liệu kỹ thuật, quy trình vận hành và bảo trì, biên bản nghiệm thu, quyết định giao đất, cho thuê đất và các tài liệu liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng, bồi thường thiệt hại do hạn chế sử dụng đất, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

4. Đơn vị quản lý vận hành trạm điện, lưới điện phải định kỳ tổ chức kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa bảo đảm cho hệ thống vận hành an toàn theo quy định; thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm quy định về an toàn điện, bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

5. Cáp điện đi ngầm trong đất, đi chung trên cầu, đường dây thông tin, nằm trong kết cấu công trình khác phải bảo đảm khoảng cách an toàn theo quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Các thiết bị và hệ thống chống sét, nối đất của trạm điện, lưới điện truyền tải và phân phối phải được lắp đặt đúng thiết kế và được nghiệm thu, kiểm tra định kỳ theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện.

Điều 104. An toàn trong đấu nối vào hệ thống điện quốc gia

1. Đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện và khách hàng sử dụng điện đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật và thực hiện các thủ tục về đấu nối theo quy định của Bộ Công Thương được đấu nối hệ thống điện của mình vào hệ thống điện quốc gia.

2. Hệ thống điện độc lập phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ Công Thương mới được đấu nối vào hệ thống điện quốc gia.

Điều 105. An toàn trong sử dụng điện cho sản xuất

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng điện để sản xuất phải thực hiện các quy định chung về an toàn điện tại Điều 101 Luật này và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện tương ứng.

2. Các thiết bị điện phải đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo vệ chống điện giật, nổi đất, nổi không các thiết bị điện.

3. Hệ thống thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nổi đất phải được nghiệm thu, kiểm tra định kỳ, kiểm tra bất thường và sửa chữa, bảo dưỡng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện, an toàn điện. Sơ đồ của các hệ thống này phải đúng với thực tế và phải được lưu giữ cùng với hồ sơ sửa chữa, bảo dưỡng và các biên bản kiểm tra trong suốt quá trình hoạt động.

4. Lưới điện thuộc phạm vi quản lý của tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải được lắp đặt và quản lý vận hành theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện và các quy định liên quan khác.

5. Đường dây dẫn điện phải được thiết kế, lắp đặt bảo đảm mặt bằng sản xuất thông thoáng, tránh được các tác động cơ học, hóa học có thể gây hư hỏng. Không dùng các kết cấu kim loại của nhà xưởng, máy móc, đường ống kim loại, dây chống sét để làm dây trung tính làm việc.

6. Hệ thống điện tại các khu vực có chất dễ cháy, nổ phải được thiết kế, lắp đặt và sử dụng theo quy định về an toàn phòng, chống cháy nổ; sử dụng loại thiết bị, dụng cụ phòng chống cháy, nổ chuyên dùng theo quy định.

7. Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì đơn vị cung cấp, bán điện thực hiện kiểm tra an toàn hệ thống điện của khách hàng. Trường hợp phát hiện có nguy cơ mất an toàn phải kịp thời có biện pháp ngăn chặn hoặc ngừng cung cấp điện.

8. Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực các cấp có trách nhiệm kiểm tra an toàn trong sử dụng điện cho sản xuất theo quy định.

Điều 106. An toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt, dịch vụ

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng điện cho sinh hoạt, dịch vụ có trách nhiệm tuân thủ các quy định sau:

a) Thiết kế, xây dựng, lắp đặt hệ thống điện trong nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt, dịch vụ phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn về công trình dân dụng theo pháp luật về xây dựng và phù hợp với tổng nhu cầu sử dụng điện năng của người sử dụng. Khi tăng nhu cầu sử dụng điện năng phải đồng bộ với thiết kế hệ thống điện trong nhà ở, công trình đảm bảo an toàn điện, phòng cháy, chữa cháy.

b) Đường dây dẫn điện, thiết bị đóng cắt, bảo vệ và trang thiết bị điện khác của hệ thống điện trong nhà ở, công trình phải bảo đảm chất lượng theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

c) Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, kiểm định trang thiết bị điện theo quy định và hướng dẫn của nhà sản xuất. Kịp thời phát hiện và có biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây sự cố, tai nạn về điện;

d) Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn đối với hệ thống điện trong nhà ở, công trình do mình sở hữu hoặc quản lý, sử dụng;

đ) Phối hợp với cơ quan chức năng trong việc kiểm tra an toàn trong sử dụng điện.

2. Đơn vị cung cấp, bán điện có trách nhiệm:

a) Khi ký hợp đồng mua bán điện phải thông tin cho khách hàng sử dụng điện về các nguy cơ gây mất an toàn sử dụng điện và các biện pháp bảo đảm an toàn. Khi phát hiện các nguy cơ mất an toàn đối với hệ thống điện phục vụ sinh hoạt thì phải yêu cầu khách hàng sử dụng điện kiểm tra và hướng dẫn khách hàng các biện pháp đảm bảo an toàn đối với hệ thống điện.

b) Phối hợp với cơ quan chức năng tại địa phương kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về an toàn điện trong sinh hoạt, dịch vụ, tuyên truyền, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 107. Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp

1. Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp là dùng nguồn điện có mức điện áp thích hợp đấu nối trực tiếp vào hàng rào, vật cản, vật che chắn của khu vực được bảo vệ (sau đây gọi chung là hàng rào điện) để ngăn cản việc xâm phạm khu vực được bảo vệ và phát tín hiệu báo động cho người bảo vệ khu vực đó biết.

2. Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp chỉ được thực hiện khi sử dụng các biện pháp bảo vệ khác không hiệu quả và phải phù hợp trong phạm vi, khu vực được phép sử dụng hàng rào điện do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định.

3. Hàng rào điện phải được thiết kế, lắp đặt đảm bảo an toàn điện theo quy định, tránh được mọi tiếp xúc ngẫu nhiên đối với người và gia súc; có biển báo nguy hiểm, không gây ảnh hưởng tới hoạt động của hệ thống điện, không gây nguy hiểm cho khu vực lân cận và môi trường sống. Người quản lý, sử dụng hàng rào điện phải được đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ về điện.

4. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định phạm vi, khu vực được phép sử dụng hàng rào điện.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về an toàn trong sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp; nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ về điện đối với người quản lý, sử dụng hàng rào điện.

Điều 108. Xử lý sự cố điện

1. Trường hợp xảy ra sự cố điện, đơn vị điện lực trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý theo quy định của Bộ Công Thương.

2. Trường hợp xảy ra sự cố điện nghiêm trọng đến mức thảm họa lớn thì

việc ban bố tình trạng khẩn cấp và áp dụng các biện pháp ứng phó phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Mục 3

AN TOÀN CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

Điều 109. Nguyên tắc quản lý an toàn đối với công trình thủy điện

1. Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện là ưu tiên cao nhất trong đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình thủy điện.

2. Công tác quản lý an toàn công trình thủy điện phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy điện.

3. Chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình thủy điện chịu trách nhiệm đối với an toàn công trình thủy điện do mình sở hữu và phát huy hiệu quả khai thác tổng hợp, phục vụ đa mục tiêu của hệ thống các công trình thủy điện, bảo đảm an toàn cho vùng hạ du đập.

4. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong quản lý, khai thác công trình thủy điện.

5. Đối với các hồ chứa thủy điện có nhiệm vụ phòng lũ, phải đảm bảo dung tích phòng lũ theo quy định, đảm bảo an toàn công trình và an toàn hạ du trong quá trình vận hành khai thác hồ chứa, hài hòa lợi ích của nhà đầu tư, đồng thời đảm bảo không gây tác động tiêu cực cho vùng hạ du hồ chứa.

Điều 110. Phân loại và phân cấp công trình thủy điện

1. Phân loại và phân cấp công trình thủy điện để phục vụ đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy điện.

2. Loại công trình thủy điện được xác định theo quy mô, nhiệm vụ, tầm quan trọng, mức độ rủi ro vùng hạ du, bao gồm công trình thủy điện quan trọng đặc biệt, công trình thủy điện lớn, công trình thủy điện vừa và công trình thủy điện nhỏ.

3. Cấp công trình thủy điện được xác định theo quy mô, nhiệm vụ, điều kiện địa chất nền và yêu cầu kỹ thuật xây dựng công trình, bao gồm công trình thủy điện cấp đặc biệt, công trình thủy điện cấp I, công trình thủy điện cấp II, công trình thủy điện cấp III, công trình thủy điện cấp IV.

4. Bộ trưởng Bộ Công Thương xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 111. An toàn trong giai đoạn xây dựng, trước khi đưa vào vận hành

1. Quá trình thi công xây dựng công trình thủy điện, chủ đầu tư xây dựng và nhà thầu phải tuân thủ quy định pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước và pháp luật về xây dựng.

2. Trong quá trình thi công xây dựng dự án công trình thủy điện mới, chủ đầu tư có trách nhiệm lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai. Đối với dự án đầu tư mở rộng, chủ đầu tư chủ trì, chủ sở hữu công trình hiện hữu có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu đập lập, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức quản lý, vận hành và các cơ quan quản lý nhà nước về điện lực, thủy lợi, tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai.

4. Trước khi phê duyệt kế hoạch tích nước lần đầu, Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn công trình thủy điện, đầu tư xây dựng, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường; Kế hoạch tích nước lần đầu phải được thông báo bằng văn bản trước khi tích nước 15 ngày đến cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, cơ quan cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước, Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện:

a) Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với công trình thủy điện loại quan trọng đặc biệt, cấp I trở lên và công trình thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt hoặc phân cấp cho các cơ quan quản lý thuộc phạm vi quản lý thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình thủy điện trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, trừ các đối tượng quy định tại điểm a khoản này.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 112. An toàn trong giai đoạn quản lý, vận hành

1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước, tài nguyên nước, phòng chống thiên tai và các quy định sau:

a) Vận hành công trình thủy điện phải tuân thủ quy trình vận hành liên hồ chứa, quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện; quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện, bồi lắng lòng hồ; quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; kiểm định định kỳ hoặc đột xuất công trình; kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện; lập và thực hiện bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa công trình và thiết bị; bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy điện; lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật;

c) Trước mùa mưa hằng năm, rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai theo quy định pháp luật về phòng, chống thiên tai; hoàn thành công tác bảo trì, bảo dưỡng công trình thủy điện; tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện. Báo cáo kết quả gửi Sở Công Thương, trường hợp công trình thủy điện thuộc loại quan trọng đặc biệt, cấp I, công trình thủy điện trên địa bàn 2 tỉnh trở lên thì báo cáo gửi Bộ Công Thương và Sở Công Thương các tỉnh có liên quan;

d) Sau mùa mưa hằng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình trạng thiết bị, công trình; báo cáo kết quả khai thác, tính hợp lý, những tồn tại và nêu những kiến nghị cần thiết về việc thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa, quy trình vận hành hồ chứa thủy điện;

đ) Bố trí nhân sự làm công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện có chuyên môn phù hợp, được đào tạo, bồi dưỡng định kỳ kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo quy định.

2. Định kỳ 05 năm hoặc khi có sự thay đổi về quy mô, hạng mục công trình thủy điện, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trước mùa mưa hằng năm, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình thủy điện:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập đối với các công trình thủy điện trên bậc thang thủy điện sông Đà;

b) Bộ Công Thương chủ trì tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình thủy điện quan trọng đặc biệt, cấp I trở lên và công trình thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, trừ các công trình thủy điện quy định tại điểm a khoản này;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện hoặc phân cấp cho các cơ quan quản lý thuộc phạm vi quản lý tổ chức kiểm tra đối với các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình thủy điện quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

4. Khuyến khích áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý an toàn công trình và vận hành khai thác hiệu quả tài nguyên nước theo hướng tiệm cận thời gian thực.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 113. Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện bao gồm công trình đập, hồ chứa, nhà máy, trạm điện, các công trình phụ trợ khác và vùng phụ cận (bao gồm vùng phụ cận của đập, vùng phụ cận của tuyến năng lượng và vùng phụ cận của lòng hồ chứa thủy điện) được xác định theo cấp công trình thủy điện; khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh vùng phụ cận phù hợp với quy định.

2. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện và bảo đảm kinh phí cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện.

3. Tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy điện đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương kiểm tra các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện; kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các hoạt động có nguy cơ gây mất an toàn đối với công trình thủy điện.

4. Việc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy điện quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

5. Hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện phải được đánh giá tác động đến an toàn đập, hồ chứa thủy điện:

a) Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố;

b) Trong quá trình thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư hoặc chấp thuận phương án hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở dự án hoặc chấp thuận phương án hoạt động phải có trách nhiệm xem xét yếu tố ảnh hưởng đến an toàn công trình thủy điện và lấy ý kiến bằng văn bản của chủ sở hữu công trình thủy điện, Sở Công Thương các tỉnh có liên quan về tác động của dự án, hoạt động xin cấp phép đối với công trình thủy điện và yêu cầu các tổ chức, cá nhân có biện pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo quy định;

c) Tổ chức, cá nhân khi triển khai các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tuân thủ các quy định về an toàn đập, hồ chứa thủy điện và thông báo bằng văn bản gửi đến tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện về kế hoạch hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện;

d) Công trình hiện có hợp pháp trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện không ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy điện được tiếp tục sử dụng. Khi mở rộng quy mô phải tuân thủ quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này;

đ) Công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy điện phải thực hiện các giải pháp khắc phục theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương; trường hợp không thể khắc phục phải dỡ bỏ hoặc di dời.

e) Hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi và hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi khoáng sản trong lòng hồ thủy điện phải đảm bảo an toàn cho đập, hồ chứa thủy điện và tuân thủ quy định pháp luật về địa chất, khoáng sản và tài nguyên nước.

6. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia phải thực hiện theo pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 114. Hệ thống thông tin, dữ liệu về vận hành công trình thủy điện

1. Thông tin, dữ liệu về vận hành công trình thủy điện được xây dựng, quản lý, sử dụng phục vụ cho cơ quan quản lý nhà nước quản lý, giám sát, điều hành việc vận hành công trình thủy điện theo quy trình vận hành liên hồ chứa và quy trình vận hành hồ chứa đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm an toàn cho công trình, vùng hạ du và công tác phòng chống thiên tai. Nội dung thông tin, dữ liệu về vận hành công trình thủy điện phải đảm bảo:

a) Nội dung thông tin, dữ liệu được cập nhật định kỳ phản ánh đầy đủ thông số kỹ thuật và chế độ vận hành công trình thủy điện theo quy định;

b) Thuận tiện cho các tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện cập nhật thông tin, dữ liệu vận hành công trình bảo đảm an ninh, an toàn thông tin;

c) Tích hợp, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia.

2. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về vận hành công trình thủy điện được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

3. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước hồ chứa bao gồm cả xả nước phát điện, hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ và cập nhật định kỳ thông tin, dữ liệu vận hành vào hệ thống thông tin, dữ liệu về vận hành công trình thủy điện theo quy định.

4. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, dữ liệu về vận hành công trình thủy điện; quy định kỹ thuật về hệ thống camera giám sát phục vụ công tác vận hành, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ.

Chương VIII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐIỆN LỰC

Điều 115. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện lực

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện lực trong phạm vi cả nước.
2. Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện lực.
3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về điện lực theo quy định tại Luật này và phân công của Chính phủ.
4. Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về điện lực tại địa phương.

Điều 116. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Ban hành hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về điện lực.
2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về điện lực.
3. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về điện lực, hướng dẫn thực thi pháp luật về điện lực.
4. Thực hiện hợp tác quốc tế và ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động điện lực.
5. Tổ chức lập, trình thẩm định, công bố, tổ chức thực hiện, đánh giá điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia theo Luật Quy hoạch.
6. Tổ chức đấu thầu lựa chọn đầu tư theo các quy định của Luật này.
7. Quản lý hoạt động xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng điện lực theo quy định pháp luật về xây dựng.
8. Chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ ngành liên quan khác và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thực hiện kế hoạch đầu tư để bảo đảm cấp điện các hộ dân; kiểm tra giám sát phát triển điện vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và vùng đặc biệt khó khăn.
9. Tổ chức hướng dẫn, xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thông tin về điện lực, điện năng lượng mới và năng lượng tái tạo.
10. Cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp gia hạn và thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.
11. Phê duyệt các loại giá điện, khung giá điện theo quy định.
12. Kiểm tra giá hợp đồng mua bán điện, giá bán buôn điện theo quy định tại Luật này.
13. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ ngành liên quan và các hiệp hội có liên quan khác kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện

của đơn vị điện lực theo quy định tại Luật này. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương yêu cầu đơn vị điện lực thuê tư vấn độc lập để thẩm tra báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh điện. Bộ Công Thương công bố công khai kết quả kiểm tra.

14. Xây dựng các quy định về vận hành, điều độ hệ thống điện, quản lý nhu cầu điện và vận hành thị trường điện cạnh tranh.

15. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch cung cấp điện, kiểm tra và giám sát tình hình cung cấp điện và vận hành hệ thống điện để bảo đảm cân bằng cung cầu điện; Tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động chỉ huy điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia, điều hành giao dịch thị trường điện, tiết kiệm điện, quản lý nhu cầu điện.

16. Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện, an toàn trong phát điện, truyền tải, phân phối điện, sử dụng điện và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện.

17. Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, bổ sung, thu hồi giấy đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện.

18. Thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền quy trình vận hành hồ chứa thủy điện; phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo quy định tại Luật này.

19. Tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình thủy điện theo quy định tại Luật này.

20. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về điện lực.

Điều 117. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 20 Điều 116 của Luật này trong lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật này.

3. Bộ Giao thông vận tải trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm ban hành quy định về chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng hải theo quy định tại khoản 10 Điều 96 và quy định về biển báo, biển cấm đối với phương tiện vận tải theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật này.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức khảo sát, đánh giá tiềm năng tài nguyên các loại hình năng lượng trên toàn quốc theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và ban hành quy định về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Luật này.

5. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình ban hành quy định phạm vi, khu vực được phép sử dụng hàng rào điện

theo quy định tại khoản 4 Điều 107 Luật này.

Điều 118. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 20 Điều 116 của Luật này theo thẩm quyền tại địa phương;

b) Tổ chức lập nội dung phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh;

c) Chỉ đạo cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật này;

d) Có trách nhiệm quản lý, kiểm tra về điện lực tại địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật này;

đ) Thực hiện cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phát điện, phân phối điện, bán lẻ điện trong phạm vi địa phương theo quy định của Chính phủ;

e) Thẩm định, phê duyệt hoặc phân cấp cho các cơ quan quản lý thuộc phạm vi quản lý thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện, quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình thủy điện theo quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 111 Luật này;

g) Tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình thủy điện theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật này;

h) Trình Hội đồng nhân dân phê duyệt kế hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư công ngân sách nhà nước; thực hiện triển khai đồng bộ kế hoạch, giải pháp cấp điện cho các hộ dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

i) Tổ chức kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về an toàn điện trong sinh hoạt, dịch vụ, tuyên truyền, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật này;

k) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước khác về điện lực theo quy định tại Luật này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về an toàn điện trong sinh hoạt, tuyên truyền, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật này;

b) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước khác về điện lực theo quy định tại Luật này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về điện lực theo quy định tại Luật này.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 119. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản, điều, phụ lục của các luật liên quan

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 như sau:

a) Bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 Điều 31 như sau:

“5. Dự án có đề nghị nhà nước giao hoặc cho thuê khu vực biển nhưng không sử dụng đất, thuộc khu vực biển trong các trường hợp sau, trừ dự án, công trình thực hiện theo Luật Dầu khí:

a) Chưa xác định thuộc địa giới hành chính của một tỉnh cụ thể;

b) Thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ;

c) Thuộc địa giới hành chính của 02 tỉnh trở lên.;

d) Chưa xác định được thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Luật này.

6. Dự án cáp điện ngầm dưới biển xuyên biên giới trừ trường hợp các dự án đầu tư thuộc khoản 1 Điều 56 của Luật này.”;

b) Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 32 như sau:

“đ) Dự án có đề nghị nhà nước giao hoặc cho thuê khu vực biển nhưng không sử dụng đất.”.

c) Sửa đổi mục số 50 Phụ lục IV về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như sau:

“Hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện.”.

2. Bổ sung khoản 1 vào trước khoản 2 Điều 103 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14 như sau:

“1. Bộ Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng, trừ các đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và đối tượng thực hiện theo Luật Dầu khí.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo như sau:

“1. *Tài nguyên biển và hải đảo* bao gồm tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật thuộc khối nước biển, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng đất ven biển, tài nguyên thiên nhiên trên mặt biển và quần đảo, đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi, bãi ngầm (sau đây gọi chung là hải đảo) thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14

như sau:

“d) ...

Trường hợp pháp luật về xây dựng và điện lực quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 như sau:

“b) ...

Trường hợp pháp luật về xây dựng và điện lực quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.”

Điều 120. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20.....

2. Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 24/2012/QH13, Luật số 28/2018/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 16/2023/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Điện lực số 28/2004/QH11) hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành *trừ các quy định cụ thể tại Điều 121 Luật này.*

Điều 121. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đầu tư điện lực đã phê duyệt và phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng chuyển tiếp đối với việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư điện lực.

2. Đối với các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện. Trường hợp có quy định khác về cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh theo quy định của Luật này thì các bên phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với cấp độ đó.

3. Đơn vị điện lực đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép hoạt động điện lực đó; trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực.

4. Trường hợp tổ chức đã nộp hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực đầy đủ và hợp lệ đến cơ quan cấp giấy phép trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép hoạt động điện lực thì áp dụng Luật số 28/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 24/2012/QH13, Luật số 28/2018/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và Luật Giá số 16/2023/QH15 để cấp phép. Trường hợp tổ chức đề nghị thực hiện cấp

mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại và gia hạn giấy phép theo quy định của Luật này thì áp dụng Luật này để cấp giấy phép hoạt động điện lực.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn